

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 26. Tháng 7. Năm 2017

GIÁM ĐỐC HÀNH CHÍNH NHÂN SỰ



Nguyễn Danh Cường

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP
TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	13 - 69
8. Phụ lục	78

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Báo cáo tài chính của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Tổng Công ty

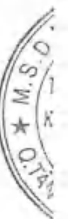
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên là Công ty TNHH một thành viên vốn Nhà nước được chuyển đổi từ Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp theo Quyết định số 1516/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145020, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 6 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 06 tháng 8 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại : (84 -65) 3 822 655
- Fax : (84 -65) 3 822 713

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Khảo sát, đo đạc và vẽ bản đồ địa chính;
- Sản giao dịch bất động sản;
- Tư vấn, thiết kế, giám sát, thi công, xây dựng các công trình dân dụng, công cộng, công nghiệp, giao thông, công trình kỹ thuật hạ tầng;
- Khai thác, chế biến khoáng sản;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; dịch vụ nhà ở công nhân;
- Tư vấn và lập quy hoạch chi tiết, thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán, lập, thẩm định dự án đầu tư các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông;
- Thực hiện kinh doanh các dự án đầu tư xây dựng theo phương thức BOT (Xây dựng – kinh doanh – chuyển giao);
- Thi công các công trình điện công nghiệp và điện dân dụng;
- Thiết kế, thẩm tra, giám sát và thi công các công trình điện năng từ 35 KV trở xuống (Đường dây tải điện, trạm biến thế, hệ thống chiếu sáng, hệ thống điện dân dụng và công nghiệp);
- Quản lý dự án và giám sát thi công công trình;
- Sản xuất, chế biến, mua bán lương thực, thực phẩm, hàng nông, lâm, thủy hải sản, hàng tiêu dùng;
- Sản xuất, gia công, mua bán các sản phẩm dệt và may mặc;
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán hàng điện tử, máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ cho sản xuất công nghiệp và tiêu dùng;
- Sản xuất, mua bán vật tư, nguyên liệu và hàng hóa phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng;
- Sản xuất, kinh doanh dược phẩm, vật tư, dụng cụ y tế và mỹ phẩm;
- Dịch vụ vận tải, giao nhận hàng hóa và khai thuê hải quan;
- Thực hiện các dịch vụ tiếp thị, nghiên cứu thị trường và tư vấn đầu tư;
- Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác trong và ngoài nước;
- Hoạt động trong lĩnh vực bệnh viện, y tế, giáo dục.



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch	Ngày 02 tháng 6 năm 2010
Ông Nguyễn Văn Dành	Phó Chủ tịch	Ngày 08 tháng 10 năm 2014
Ông Nguyễn Phú Thịnh	Thành viên	Ngày 02 tháng 6 năm 2010
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên	Ngày 02 tháng 6 năm 2010
Ông Nguyễn Danh Tùng	Thành viên	Ngày 02 tháng 6 năm 2010

Kiểm soát viên

Kiểm soát viên của Tổng Công ty là Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân (bổ nhiệm ngày 18 tháng 8 năm 2010).

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Hùng	Tổng Giám đốc	Ngày 02 tháng 6 năm 2010
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 7 năm 2010
Ông Bùi Văn Chiến	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 7 năm 2010
Ông Phạm Ngọc Thuận	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 7 năm 2010
Ông Nguyễn Văn Dành	Phó Tổng Giám đốc	
	Kiểm Kế toán trưởng	Ngày 30 tháng 12 năm 2013

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Hùng – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2010).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

0044

ÔNG

NIỆM

TOÁN V

A &

T.P.V

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 5 năm 2016





**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 0686/2016/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CHỦ SỞ HỮU, HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH
VIÊN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 10 tháng 4 năm 2016, từ trang 06 đến trang 78, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Phú - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0089-2013-008-1
TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 5 năm 2016

Đỗ Thị Mai Loan - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0090-2013-008-1

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		33.489.913.414.304	29.496.454.542.939
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.549.930.735.072	3.043.044.797.339
1. Tiền	111		749.848.947.555	1.386.360.151.728
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.800.081.787.517	1.656.684.645.611
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		463.937.856.556	353.888.076.422
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	4.893.028.550	4.893.028.550
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(989.647.550)	(2.160.661.850)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	460.034.475.556	351.155.709.722
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.820.432.642.277	4.415.934.723.471
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	6.058.664.024.522	3.635.519.338.373
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	312.699.852.637	319.819.916.706
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	60.610.000.000	56.040.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	415.032.643.400	426.158.250.606
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(27.272.939.812)	(22.710.972.676)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.8	699.061.529	1.108.190.462
IV. Hàng tồn kho	140		23.036.474.887.188	21.205.034.258.049
1. Hàng tồn kho	141	V.9	23.037.476.629.941	21.205.159.397.764
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	(1.001.742.753)	(125.139.715)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		619.137.293.211	478.552.687.658
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	38.806.933.505	59.057.014.442
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		475.244.385.973	175.958.384.546
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.20	105.085.973.733	243.537.288.670
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		17.981.757.637.717	17.779.226.869.066
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		287.889.360.524	1.274.347.312.165
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	272.770.598.888	1.265.013.409.208
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	15.118.761.636	9.333.902.957
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.150.025.493.723	4.628.811.871.802
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	4.957.297.708.262	4.466.170.215.369
- Nguyên giá	222		7.507.591.290.455	6.588.493.889.959
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.550.293.582.193)	(2.122.323.674.590)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	192.727.785.461	162.641.656.433
- Nguyên giá	228		225.045.762.173	187.366.774.441
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(32.317.976.712)	(24.725.118.008)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.13	437.183.141.494	367.387.445.696
- Nguyên giá	231		452.340.722.977	373.814.002.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(15.157.581.483)	(6.426.556.704)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.032.640.975.749	3.852.566.441.210
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.14	1.812.784.621.398	1.606.457.955.371
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.15	2.219.856.354.351	2.246.108.485.839
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		7.596.140.388.220	7.285.601.745.105
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	7.349.922.076.474	7.155.042.343.359
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	246.051.030.000	130.592.120.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2d	(32.718.254)	(32.718.254)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	200.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		477.878.278.008	370.512.053.088
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	122.880.961.407	87.722.624.246
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.16	345.047.392.265	269.229.862.110
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.17	9.949.924.336	13.559.566.731
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		51.471.671.052.021	47.275.681.412.006

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		40.156.172.812.476	36.257.523.686.143
I. Nợ ngắn hạn	310		22.780.988.229.136	22.304.754.187.120
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.18a,c	1.366.585.938.780	2.715.197.105.419
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.19a	1.070.525.462.749	1.242.233.585.711
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.20	403.375.847.480	265.878.543.855
4. Phải trả người lao động	314	V.21	101.781.856.362	82.548.528.623
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.22a	12.358.004.258.229	10.844.363.204.390
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.23	49.151.686.603	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.24a,c	201.935.632.868	256.671.538.856
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.25a,c	7.137.762.556.749	6.724.369.082.484
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.26a	41.371.324.490	26.620.518.770
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.27	50.493.664.827	146.872.079.012
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		17.375.184.583.340	13.952.769.499.023
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.18b,c	739.821.714.812	43.776.708.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.19b	210.264.594.908	92.472.584.611
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.22b	181.223.668.189	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.23	10.408.784.039	76.387.772.692
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.24b,c	2.521.824.284.698	2.375.552.086.504
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.25b,c	13.689.559.107.303	11.344.777.277.792
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.26b	5.422.050.002	2.512.544.185
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.28	16.660.379.389	17.290.525.239

387
T
H
À
T
C
H
C

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		11.315.498.239.545	11.018.157.725.862
I. Vốn chủ sở hữu	410		11.112.269.391.298	10.863.102.267.215
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.29	8.284.474.308.491	8.029.723.958.533
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.29	12.869.408.560	12.869.408.560
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.29	162.478.001.202	94.912.348.799
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.29	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	5.896.344.792
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.29	262.781.396.294	198.243.036.610
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	V.29	4.951.812.052	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.29	(365.556.916.690)	(110.231.314.550)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.754.265.344	(110.231.314.550)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(374.311.182.034)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		1.320.373.869.235	1.166.482.338.466
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.30	1.429.897.512.154	1.465.206.146.005
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		203.228.848.247	155.055.458.647
1. Nguồn kinh phí	431		633.340.070	656.106.813
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		202.595.508.177	154.399.351.834
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		51.471.671.052.021	47.275.681.412.006

Phan Thị Mỹ Kim
Người lập biểu

Nguyễn Văn Danh
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc



Bình Dương, ngày 10 tháng 4 năm 2016

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	7.433.397.070.863	6.091.175.053.520
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	95.853.305.625	258.825.975.921
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		7.337.543.765.238	5.832.349.077.599
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	5.672.184.855.142	4.634.465.037.409
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.665.358.910.096	1.197.884.040.190
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	184.676.670.022	370.792.793.417
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	657.981.851.802	361.290.400.027
Trong đó: chi phí lãi vay	23		632.721.785.567	358.034.666.369
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	VI.6	417.897.864.024	391.127.596.542
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7	645.778.286.345	610.114.137.927
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	379.191.736.098	329.606.266.226
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		584.981.569.897	658.793.625.969
12. Thu nhập khác	31	VI.9	58.460.263.844	132.738.804.328
13. Chi phí khác	32	VI.10	29.147.153.864	94.003.603.589
14. Lợi nhuận khác	40		29.313.109.980	38.735.200.739
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		614.294.679.877	697.528.826.708
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	107.652.484.000	128.885.767.956
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(76.691.066.545)	(77.813.893.874)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		583.333.262.422	646.456.952.626
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		484.961.684.691	551.653.343.763
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		98.371.577.731	94.803.608.863
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-


Phan Thị Mỹ Kim
Người lập biểuNguyễn Văn Dành
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 10 tháng 4 năm 2016

Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		614.294.679.877	697.528.826.708
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.11,12,13,17	419.259.395.371	453.511.176.122
- Các khoản dự phòng	03		25.587.131.711	1.761.315.499
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	(14.690.847.631)	(23.912.179.226)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.6,9	(584.543.954.264)	(685.292.745.910)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	632.721.785.567	358.034.666.369
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.092.628.190.631	801.631.059.563
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.535.954.865.632)	(1.638.269.850.608)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.054.001.071.755)	(3.563.549.766.567)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		4.055.450.564.834	3.931.912.338.914
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(75.194.116.934)	(9.259.437.257)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.22a; VI.5	(1.698.135.195.690)	(829.475.408.804)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.20	(177.461.719.116)	(288.205.533.832)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		6.473.523.919	107.698.019.521
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(193.333.830.981)	(292.740.737.123)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.579.528.520.723)	(1.780.259.316.193)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(869.847.344.095)	(1.379.176.178.106)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		12.058.224.635	85.872.929.665
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(96.585.475.556)	(413.453.977.266)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		34.826.000.000	111.434.347.544
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(199.313.902.166)	(417.692.344.872)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		178.801.799.722	7.339.611.352
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6; VI.5	200.433.164.001	221.242.428.463
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(739.627.533.459)	(1.784.433.183.220)

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	733.379.157.940
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.29	(14.021.870.594)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.25a,b	11.628.862.225.131	11.952.001.180.636
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.25a,b	(8.792.378.045.524)	(10.330.875.140.012)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(867.209.857.460)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>2.822.462.309.013</i>	<i>1.487.295.341.104</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>		<i>(496.693.745.169)</i>	<i>(2.077.397.158.309)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	<i>V.1</i>	<i>3.043.044.797.339</i>	<i>5.120.174.203.374</i>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>		<i>3.579.682.902</i>	<i>267.752.274</i>
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	<i>70</i>	<i>V.1</i>	<i>2.549.930.735.072</i>	<i>3.043.044.797.339</i>


Phan Thị Mỹ Kim
Người lập biểuNguyễn Văn Dành
Kế toán trưởngNguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty Nhà nước.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là đầu tư, xây dựng, sản xuất – chế biến, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: Kinh doanh bất động sản; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; Dịch vụ cho thuê, quản lý và xử lý nước thải khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; Sản xuất và chế biến mùn cao su.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 18 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Ngày 31 tháng 5 năm 2015, Tập đoàn đã thoái 25% vốn đầu tư tại Công ty TNHH một thành viên Cao su Bình Dương, giảm tỷ lệ vốn góp tại công ty con này xuống còn 75% từ ngày này. Giá chuyển nhượng phần vốn này là 32.500.000.000 VND và được thu bằng tiền. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát được ghi tăng theo tỷ lệ trên tài sản thuần. Chênh lệch giữa giá chuyển nhượng với giá trị ghi sổ phần tài sản thuần chuyển nhượng cho cổ đông không kiểm soát là được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật	Tầng 5 Becamex Tower, 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Duy tu, sửa chữa, khai thác thu phí giao thông; Xây dựng dân dụng và công nghiệp, kinh doanh bất động sản	78,80%	78,80%	78,80%	78,80%
Công ty cổ phần phát triển đô thị	C1-2-3 đường DT6 – Khu liên hiệp công nghiệp dịch vụ Bình Dương, phường Hoà Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Sản xuất bê tông trộn sẵn; Đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và đô thị; Kinh doanh bất động sản.	56,67%	51,00%	56,67%	51,00%

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	Số 26-27, lô 1, đường Đồng Khởi, phường Hoà Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh và đầu tư cơ sở hạ tầng khu dân cư, đô thị; Thi công các công trình công nghiệp và dân dụng; Sản xuất vật liệu xây dựng.	60,70%	60,70%	60,70%	60,70%
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương	Lô G, đường Đồng Khởi, phường Hoà Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Xây dựng dân dụng và công nghiệp; San lấp mặt bằng, đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp; Kinh doanh bất động sản.	51,82%	51,82%	51,82%	51,82%
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	Đường TC3, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Hoạt động của bệnh viện và phòng khám chữa bệnh.	76,11%	76,11%	80,40%	80,40%
Công ty cổ phần bê tông Becamex	Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Sản xuất, kinh doanh bê tông; Thi công, xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.	73,37%	73,37%	73,37%	73,37%
Công ty cổ phần dược Becamex	Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Sản xuất và kinh doanh dược phẩm, vật tư y tế và kinh doanh bất động sản.	61,32%	61,32%	68,00%	68,00%
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	Khu đô thị mới thuộc Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ và đô thị Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Đào tạo trung cấp, cao đẳng và đại học theo học chế tín chỉ, liên thông.	65,57%	65,57%	75,00%	75,00%
Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước môi trường Bình Dương	Số 11, Ngõ Văn Trị, phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Đầu tư, kinh doanh cấp và thoát nước	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty cổ phần cao su Bình Dương	Đường ĐT 750, ấp Ông Thanh, xã Cây Trường, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Trồng cây hàng kỳ; Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh.	75,00%	100,00%	75,00%	100,00%
Công ty TNHH một thành viên khách sạn Becamex	Becamex Tower, 230 Đại Lộ Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh nhà hàng và các dịch vụ ăn uống, tổ chức sự kiện, các dịch vụ khách sạn, đại lý vé máy bay, tàu hỏa	78,80%	78,80%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH một thành viên thương mại Becamex	Becamex Tower, 230 Đại Lộ Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh hoạt động trung tâm thương mại, du lịch, vận tải hành khách, đại lý vé máy bay, tàu hỏa	78,80%	78,80%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH một thành viên cửa sổ Mùa Xuân	Lô A-9B-CN-KCN Bàu Bàng, xã Lai Hưng, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Sản xuất, lắp ráp cửa các loại...	60,70%	42,85%	100,00%	70,59%
Công ty TNHH một thành viên tư vấn đầu tư xây dựng Việt	D12, đường Lê Hoàn, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Tư vấn, thiết kế, xây dựng các công trình, nhà ở...	60,70%	47,35%	100,00%	78,01%
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex	Đường D1 – Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Sản xuất và cung cấp xi măng, bê tông cầu kiện...	35,21%	35,21%	58,00%	58,00%
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	Ấp Mương Đào, Xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng như: cát,	49,17%	49,17%	81,00%	81,00%

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex	Xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	đá, thép... Khai thác khoáng sản	54,78%	54,78%	74,66%	74,66%
Công ty cổ phần đá ốp lát An Bình	Ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Cắt tạo đá và hoàn thiện đá; Sản xuất vật liệu xây dựng không nung.	44,02%	32,87%	60,00%	60,00%

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam - Singapore	Số 8 Đại lộ Hữu Nghị, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương.	Kinh doanh khu công nghiệp	49,00%	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty cổ phần Setia – Becamex	Đại lộ NE2, xã Thới Hoà, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.	Kinh doanh bất động sản	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty cổ phần chứng khoán Đệ Nhất	Số 9 Hoàng Văn Thụ, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh chứng khoán	37,15%	37,15%	37,15%	37,15%
Công ty cổ phần bảo hiểm Hùng Vương	4Bis, Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, đầu tư vốn	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%
Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Lô Z01 - 02 -03a, Khu chế xuất Tân Thuận, quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh dược phẩm	35,19%	31,67%	35,19%	31,67%
Công ty cổ phần công nghệ & truyền thông Việt Nam	Lô T4, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh viễn thông, công nghệ thông tin	44,50%	45,00%	44,50%	30,00%
Công ty TNHH Becamex Tokyu	Tầng 17 Becamex Tower- 230 Đại lộ Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh khu đô thị	35,00%	35,00%	35,00%	35,00%
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Chánh Phú Hoà	Số 7 Ngô Văn Trị, phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Xây lắp	43,12%	43,15%	43,12%	43,15%
Công ty cổ phần nước Thủ Dầu Một	Số 7 Ngô Văn Trị, phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Cung cấp nước sạch	25,96%	26,00%	25,96%	26,00%
Công ty cổ phần tái chế vật liệu Xanh	Số 7 Ngô Văn Trị, phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Tái chế phế liệu, sản xuất vật liệu xây dựng	22,99%	21,88%	22,99%	21,88%

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5d. Danh sách các Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông	Lô M2, đường Lý Thái Tổ, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh giáo dục	50,00%	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty liên doanh TNHH Sinviet	Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, xã Bình Hoà, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương	Sản xuất nước uống tinh khiết và cung cấp các dịch vụ chuyên ngành về nước giải khát và nước uống tinh khiết.	50,00%	50,00%	50,00%	50,00%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các quy định kế toán mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Tập đoàn và Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 do vậy các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có 6.339 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 5.976 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán, các thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch).

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền-mặt và tiền-gửi-ngân hàng-không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Các công trình xây dựng dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền đối với nguyên vật liệu, tính theo phương pháp thực tế đích danh đối với hàng hóa bất động sản và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các chi phí khác

Các chi phí khác bao gồm chi phí khảo sát, thiết kế,.... được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08
Tài sản cố định khác	10

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của nhà văn phòng là 50 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 49 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 năm đến 08 năm.

Tài sản vô hình khác

Tài sản vô hình khác bao gồm chi phí thiết kế trang web, chi phí khảo sát, thăm dò trữ lượng đủ tiêu chuẩn kỹ thuật công. Các chi phí này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 10 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 5 - 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

16. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn chỉ bao gồm dự phòng cho bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 5% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu nếu việc phân bổ được thực hiện theo phương pháp đường thẳng hoặc ghi tăng phần nợ gốc của trái phiếu nếu việc phân bổ được thực hiện theo phương pháp lãi suất thực tế. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

18. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tập đoàn như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
 - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm quỹ tương ứng và không phải trích khấu hao.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ bằng 10% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau.

19. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Phân phối lợi nhuận

Tập đoàn phân phối lợi nhuận như sau:

- Tại Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên (Công ty mẹ), lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Hội đồng thành viên phê duyệt.
- Các Công ty con phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hoặc Hội đồng thành viên hàng năm.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức, lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên phê duyệt.

21. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Tập đoàn đã là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tập đoàn đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Tập đoàn đã thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Tập đoàn đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, doanh thu được ghi nhận một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Tập đoàn đã không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức.
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản.
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê.
- Giá vốn của hoạt động cho thuê được ước tính tương đối đầy đủ.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn đã tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

23. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

24. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

25. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản tạm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

26. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

27. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	17.230.416.059	24.825.005.581
Tiền gửi ngân hàng ⁽ⁱ⁾	732.602.756.613	1.361.514.147.281
Tiền đang chuyển	15.774.883	20.998.866
Các khoản tương đương tiền ⁽ⁱⁱ⁾	1.800.081.787.517	1.656.684.645.611
Cộng	2.549.930.735.072	3.043.044.797.339

(i) Trong đó, một số khoản tiền gửi ngân hàng được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng, bao gồm:

- Khoản tiền gửi 18.379.024.160 VND và 8.774.680,70 USD tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng này.
- Khoản tiền gửi tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh Bến Cát và Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Phước lần lượt là 608.484.655 VND và 1.672.339.610 VND được cầm cố để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Mỹ Phước.

(ii) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng. Trong đó, một số khoản tiền gửi được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng, bao gồm:

- Khoản tiền gửi có kỳ hạn trị giá 2.000.000.000 VND được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.
- Khoản tiền gửi có kỳ hạn trị giá 971.000.000.000 VND được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương.
- Khoản tương đương tiền trị giá 23.300.000.000 VND bị phong tỏa để đảm bảo cho việc phát hành chứng thư bảo lãnh của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương và Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh Bình Dương.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu						
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex (BMJ)	4.893.028.550	3.903.381.000	(989.647.550)	4.893.028.550	2.732.366.700	(2.160.661.850)
Cộng	<u>4.893.028.550</u>	<u>3.903.381.000</u>	<u>(989.647.550)</u>	<u>4.893.028.550</u>	<u>2.732.366.700</u>	<u>(2.160.661.850)</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.160.661.850	3.386.845.835
Hoàn nhập dự phòng	(1.171.014.300)	(1.226.183.985)
Số cuối năm	<u>989.647.550</u>	<u>2.160.661.850</u>

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	<u>460.034.475.556</u>	<u>460.034.475.556</u>	<u>351.155.709.722</u>	<u>351.155.709.722</u>
Tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 03 tháng đến 12 tháng	460.034.475.556	460.034.475.556	351.155.709.722	351.155.709.722
Dài hạn	<u>200.000.000</u>	<u>200.000.000</u>	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng	200.000.000	200.000.000	-	-
Cộng	<u>460.234.475.556</u>	<u>460.234.475.556</u>	<u>351.155.709.722</u>	<u>351.155.709.722</u>

Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến 01 năm tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương trị giá 44.0000.000.000 VND được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại ngân hàng này (xem thuyết minh số V.25).

2c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore ⁽ⁱ⁾	461.013.591.047	3.150.803.089.943	3.611.816.680.990	463.760.766.191	2.719.347.513.469	3.183.108.279.660
Công ty cổ phần Setia – Becamex ⁽ⁱⁱ⁾	264.000.000.000	(84.593.609.091)	179.406.390.909	264.000.000.000	(73.021.107.456)	190.978.892.544
Công ty cổ phần chứng khoán Đệ Nhất ⁽ⁱⁱⁱ⁾	111.445.780.000	20.929.789.528	132.375.569.528	111.445.780.000	20.724.267.882	132.170.047.882
Công ty cổ phần bảo hiểm Hùng Vương ^(iv)	60.000.000.000	3.989.780.423	63.989.780.423	60.000.000.000	3.546.553.727	63.546.553.727
Công ty cổ phần dược phẩm Savi ^(v)	56.158.252.500	(5.873.638.897)	50.284.613.603	50.669.100.000	(10.903.897.100)	39.765.202.900
Công ty cổ phần công nghệ & truyền thông Việt Nam ^(vi)	108.964.000.000	(28.410.023.339)	80.553.976.661	108.964.000.000	(27.315.317.239)	81.648.682.761
Công ty TNHH Becamex Tokyu ^(vii)	3.010.000.000.000	(77.979.962.163)	2.932.020.037.837	3.010.000.000.000	(42.862.209.477)	2.967.137.790.523

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông ^(viii)	91.500.000.000	11.340.828.504	102.840.828.504	91.500.000.000	8.985.322.059	100.485.322.059
Công ty liên doanh TNHH Sinviet	-	-	-	2.232.796.750	1.359.364.767	3.592.161.517
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Chánh Phú Hòa ^(ix)	93.959.409.787	21.048.833.480	115.008.243.267	93.959.409.787	-	93.959.409.787
Công ty cổ phần nước Thủ Dầu Một ^(x)	78.000.000.000	1.216.774.083	79.216.774.083	62.400.000.000	-	62.400.000.000
Công ty cổ phần tái chế vật liệu Xanh ^(xi)	3.750.000.000	(1.340.819.329)	2.409.180.671	750.000.000	-	750.000.000
Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai ^(xii)	-	-	-	235.500.000.000	-	235.500.000.000
Cộng	4.338.791.033.334	3.011.131.043.142	7.349.922.076.474	4.555.181.852.728	2.599.860.490.632	7.155.042.343.359

- (i) Tập đoàn đầu tư vào Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam - Singapore 461.013.591.407 VND, tương đương 49% vốn điều lệ. Trong năm Tập đoàn đã điều chỉnh giảm khoản đầu tư vào Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam - Singapore 2.747.175.144 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn đã đầu tư 461.013.591.407 VND, tương đương 49% vốn điều lệ (số đầu năm là 463.760.766.191 VND, tương đương 49% vốn điều lệ).
- (ii) Tập đoàn đầu tư vào Công ty cổ phần Setia – Becamex 264.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ.
- (iii) Tập đoàn đầu tư vào Công ty cổ phần chứng khoán Đệ Nhất 111.445.780.000 VND, tương đương 37,15% vốn điều lệ.
- (iv) Tập đoàn đầu tư vào Công ty cổ phần bảo hiểm Hùng Vương 60.000.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ.
- (v) Tập đoàn đầu tư vào Công ty cổ phần dược phẩm Savi 56.158.252.500 VND, tương đương 35,19% vốn điều lệ. Trong năm, Tập đoàn đã đầu tư thêm vào Công ty cổ phần dược phẩm Savi 5.489.152.500 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn đã đầu tư 56.158.252.500 VND, tương đương 35,19% vốn điều lệ (số đầu năm là 50.669.100.000 VND, tương đương 31,67% vốn điều lệ).
- (vi) Tập đoàn đầu tư vào Công ty cổ phần công nghệ & truyền thông Việt Nam 108.964.000.000 VND, tương đương 44,50% vốn điều lệ.
- (vii) Tập đoàn đầu tư vào Công ty TNHH Becamex Tokyu 3.010.000.000 VND, tương đương 35% vốn điều lệ.
- (viii) Tập đoàn đầu tư vào Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông 91.500.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ.
- (ix) Tập đoàn đầu tư gián tiếp vào Công ty cổ phần xây dựng Chánh Phú Hòa 93.959.409.787 VND, tương đương 43,12 % vốn điều lệ.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (x) Tập đoàn đầu tư gián tiếp vào Công ty cổ phần nước Thủ Dầu Một 78.000.000.000 VND, tương đương 25,96 % vốn điều lệ.
- (xi) Tập đoàn đầu tư gián tiếp vào Công ty cổ phần tái chế Vật Liệu Xanh 3.750.000.000 VND, tương đương 22,99% vốn điều lệ.
- (xii) Tập đoàn đầu tư gián tiếp vào Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai 235.500.000.000 VND, tương đương 22,99% vốn điều lệ. Trong năm 2015, Tập đoàn thực hiện tất toán hợp đồng ủy thác đầu tư với Công ty Cổ phần Nước Thủ dầu một và bàn giao lại 5 triệu cổ phiếu nhận ủy thác với tổng giá trị 67.500.000.000 VND, qua đó giảm tỷ lệ nắm giữ còn 15% Do đó chuyển trình bày tại khoản đầu tư tài chính dài hạn khác. Tập đoàn không phát sinh lãi lỗ từ giao dịch này

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên doanh, liên kết:

Thông tin về giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở phụ lục 01 đính kèm.

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể.

Tình hình hoạt động của công ty liên doanh, liên kết

Các công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam		
Thực hiện các công trình xây dựng	137.882.358.406	54.502.820.083
Góp vốn	-	38.095.331.442
Mua dịch vụ	-	38.559.269
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ đào tạo	-	110.464.000
Thu do giảm góp vốn	2.747.175.144	-
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất	212.659.785.070	-
Công ty cổ phần chứng khoán Đệ Nhất		
Lợi nhuận được chia	-	8.915.662.400
Chia cổ tức	530.110.400	163.906.500
Thuê dịch vụ	83.181.818	-
Công ty cổ phần bảo hiểm Hùng Vương		
Thuê văn phòng, tiền điện	4.314.047	301.776.452
Chi phí bảo hiểm	8.175.620.295	815.882.442
Cổ tức được chia	-	1.800.000.000
Công ty cổ phần công nghệ & truyền thông Việt Nam		
Tiền điện	28.214.311	10.641.763
Cung cấp thiết bị cho các công trình	61.462.586.980	34.930.322.985
Nhận cung cấp dịch vụ cước	352.459.336	684.048.206
Mua tài sản cố định	5.148.931.208	1.400.376.890
Mua dịch vụ	2.467.525.780	10.318.333
Trả trước phí công trình	2.722.028.600	-

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

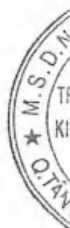
Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước		
Công ty TNHH-Becamex Tokyu				
Thuê văn phòng, tiền điện	358.592.396	2.295.294.291		
Xây dựng công trình	-	18.671.813.342		
Ký quỹ xây dựng thầu	40.000.000	-		
Phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng vay	521.184.154	-		
Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông				
Cổ tức được chia	-	2.013.000.000		
Lãi dự thu	-	1.444.475.000		
Ứng tiền thi công công trình	-	2.367.879.804		
Tiền nước	-	10.893.333		
Công ty liên doanh TNHH Sinviet				
Mua nước uống	-	13.877.000		
Cung cấp dịch vụ	17.912.832	17.003.196		
Thuê đất	14.927.360	1.773.445.338		
Công ty cổ phần nước Thủ Dầu Một				
Góp vốn	-	59.800.000.000		
Cổ tức được chia	1.872.000.000	-		
Mua dịch vụ	82.790.230.030	13.016.281.566		
Công ty cổ phần tái chế vật liệu Xanh				
Cho vay	-	2.500.000.000		
Lãi cho vay	4.423.254.541	19.833.333		
Công ty cổ phần đầu tư - xây dựng Chánh Phú Hòa				
Cổ tức được chia	15.458.334.000	17.804.125.750		
Phí bảo lãnh vay vốn	1.814.349.114	585.130.000		
Công ty cổ phần dược phẩm Savi				
Mua cổ phần	5.489.152.500	-		
2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
	Số cuối năm	Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản	9.000.000.000	(32.718.254)	9.000.000.000	(32.718.254)
Công ty cổ phần giao thông và thủy lợi Bình Dương	1.647.500.000	-	1.647.500.000	-
Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp VSIP JSC	52.025.280.000	-	52.025.280.000	-
Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV)	-	-	52.541.090.000	-
Công ty cổ phần phát triển và công nghệ Becamex TIC	738.250.000	-	738.250.000	-
Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai (*)	168.000.000.000	-	-	-
Công ty cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức 1	14.640.000.000	-	14.640.000.000	-
Cộng	246.051.030.000	(32.718.254)	130.592.120.000	(32.718.254)



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Trong năm 2015, Tập đoàn thực hiện tất toán hợp đồng ủy thác đầu tư với Công ty cổ phần nước Thủ Dầu Một và bàn giao lại 5 triệu cổ phiếu nhận ủy thác với tổng giá trị 67.500.000.000 VND, qua đó giảm tỷ lệ nắm giữ còn 15%. Tập đoàn không phát sinh lãi lỗ từ giao dịch này.

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	32.718.254	2.209.974.536
Hoàn nhập dự phòng	-	(2.177.256.282)
Số cuối năm	32.718.254	32.718.254

3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng**3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>102.111.612.726</i>	<i>62.071.845.953</i>
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore	72.560.385.159	31.102.337.644
Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông	10.192.291.202	13.203.729.202
Công ty cổ phần Setia – Becamex	11.841.607.333	11.841.607.333
Công ty TNHH Becamex Tokyu	7.499.995.059	5.921.337.841
Công ty cổ phần công nghệ & truyền thông Việt Nam	17.333.973	2.833.933
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>5.956.552.411.796</i>	<i>3.573.447.492.420</i>
Công ty cổ phần Xây Dựng Số 5 - Xí nghiệp xây dựng Số 2	95.659.487.751	10.775.508.427
Công ty TNHH xây dựng dịch vụ thương mại Trần Long	36.692.989.734	29.529.797.067
Công ty TNHH đầu tư xây dựng thương mại Minh Đức Trung	588.088.855	9.162.754.694
Công ty TNHH nội thất gỗ Phú Đình	87.747.351.624	-
Công ty cổ phần dịch vụ thương mại và xây dựng địa ốc Kim Oanh	72.805.179.228	-
Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương	3.312.810.856.152	1.882.810.856.152
Công ty TNHH thiết kế môi giới bất động sản Rồng Vàng	22.262.785.000	-
Khách hàng mua bất động sản	396.419.251.575	353.866.700.512
Các khách hàng khác	1.931.566.421.877	1.287.301.875.568
Cộng	6.058.664.024.522	3.635.519.338.373

Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng trị giá 3.857.292.603.980 VND được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.25).

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3b. Phải thu dài hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần Nam Việt Phát	-	184.366.452.958
Công ty cổ phần dịch vụ thương mại và xây dựng địa ốc Kim Oanh	8.931.741.438	192.114.054.000
Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ đầu tư	8.683.853.750	18.431.021.250
Công ty cổ phần đầu tư Lộc Phát	31.397.973.750	-
Công ty TNHH xây dựng dịch vụ thương mại Trần Long	-	163.010.229.010
Các khách hàng khác	223.757.029.950	707.091.651.990
Cộng	272.770.598.888	1.265.013.409.208

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>2.722.028.600</i>	<i>81.898.366</i>
Công ty cổ phần bảo hiểm Hùng Vương	-	44.000.000
Công ty cổ phần công nghệ & truyền thông Việt Nam	2.722.028.600	37.898.366
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>309.977.824.037</i>	<i>319.738.018.340</i>
Ông Lương Anh Cường	2.677.500.000	2.677.500.000
Công ty Hunter Douglas Việt Nam	182.734.443	2.032.308.190
Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ kỹ thuật Hoàng Gia Phú	6.512.616.000	-
Công ty TNHH sản xuất thương mại và xây dựng Đại Nam Phương	3.334.837.044	-
Các nhà cung cấp khác	297.270.136.550	315.028.210.150
Cộng	312.699.852.637	319.819.916.706

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Cho các bên liên quan vay</i>	<i>20.000.000.000</i>	<i>2.500.000.000</i>
Cho Công ty cổ phần tái chế vật liệu Xanh vay	20.000.000.000	2.500.000.000
<i>Cho các tổ chức và cá nhân khác vay</i>	<i>40.610.000.000</i>	<i>53.540.000.000</i>
Cho Công ty TNHH Tùng Trần vay với lãi suất 5%/năm	5.500.000.000	5.500.000.000
Cho Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ và đầu tư vay với lãi suất 5%/năm	20.000.000.000	20.000.000.000
Cho Công ty TNHH Đại Phú Thịnh vay với lãi suất 10 - 12%/năm	10.000.000.000	20.000.000.000
Cho Công ty TNHH Quỳnh Phúc vay	5.000.000.000	5.000.000.000
Cho cán bộ công nhân viên trong Tập đoàn vay	110.000.000	3.040.000.000
Cộng	60.610.000.000	56.040.000.000

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>17.026.948.544</i>	<i>-</i>	<i>31.769.390.733</i>	<i>-</i>
Công ty cổ phần chứng khoán				
Đệ Nhất - Cổ tức được chia	3.343.373.400	-	8.915.662.400	-
Công ty cổ phần công nghệ & truyền thông Việt Nam - Cổ tức được chia	10.896.400.000		13.973.818.333	-
Công ty cổ phần bảo hiểm Hùng Vương - Cổ tức được chia	-	-	1.800.000.000	-
Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông - Cổ tức được chia	-	-	2.013.000.000	-
Công ty cổ phần dược phẩm Savi - Cổ tức phải thu	-	-	5.066.910.000	-
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore - Thu do giảm vốn góp	2.747.175.144	-	-	-
Công ty TNHH Becamex Tokyu - Ký quỹ	40.000.000	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>398.005.694.856</i>	<i>(871.374.817)</i>	<i>394.388.859.873</i>	<i>-</i>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi đã chi vượt	-	-	4.154.038.251	-
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp	897.425.344	-	910.544.253	-
Vật tư xuất cho mượn	15.264.447.383	-	1.864.984.514	-
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.485.653.015	-	-	-
Phải thu thanh lý khoản đầu tư	92.600.020.000	-	92.600.020.000	-
Phải thu tiền chi hộ	2.135.583.842	-	737.898.577	-
Tạm ứng cho nhân viên	84.052.934.339	-	70.103.207.141	-
Tạm ứng thi công công trình xây dựng	4.543.765.025	-	4.100.387.164	-
Thuế giá trị gia tăng tạm nộp tiền ứng kinh doanh BĐS	71.230.547.589	-	72.826.063.886	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp tiền ứng kinh doanh BĐS	11.689.920.861	-	7.799.837.985	-
Thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa kê khai, khấu trừ	-	-	1.449.028.457	-
Ứng trước tiền sử dụng đất	20.267.633.943	-	57.319.009.140	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	476.481.101	-	237.368.986	-
Lãi dự thu	21.914.109.987	-	61.881.429.100	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	71.447.172.427	(871.374.817)	18.405.042.419	-
Cộng	415.032.643.400	(871.374.817)	426.158.250.606	-

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Thuế GTGT đầu ra tạm nộp (tiền ứng kinh doanh bất động sản)	4.467.463.257	-	-	-
Ký cược, ký quỹ dài hạn	4.371.572.905	-	4.007.797.707	-
Tiền tạm ứng cho nhân viên trong Tập đoàn mua nhà trả chậm	5.424.103.250	-	5.326.105.250	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	855.622.224	-	-	-
Cộng	15.118.761.636	-	9.333.902.957	-

7. Nợ xấu

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn
Số đầu năm	22.710.972.676
Trích lập dự phòng bổ sung	5.913.527.935
Hoàn nhập dự phòng	(789.350.296)
Giảm do quyết toán lại với Kiểm toán Nhà nước	(559.383.503)
Xử lý số dư dự phòng của sinh viên nghỉ học	(2.827.000)
Số cuối năm	27.272.939.812

8. Tài sản thiếu chờ xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng tồn kho	595.901.561	237.368.986
Tài sản khác	103.159.968	870.821.476
Cộng	699.061.529	1.108.190.462

9. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	341.558.768	-	365.585.263	-
Nguyên liệu, vật liệu	314.885.494.201	(250.305.105)	316.580.477.773	-
Công cụ, dụng cụ	5.684.609.887	-	4.564.628.130	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	22.096.236.608.818	-	20.123.458.494.048	-
Thành phẩm	68.995.283.012	(750.713.683)	39.666.967.306	(96.615.533)
Hàng hóa	549.294.083.526	(723.965)	716.960.152.386	(28.524.182)
Hàng gửi đi bán	2.038.991.729	-	3.563.092.858	-
Cộng	23.037.476.629.941	(1.001.742.753)	21.205.159.397.764	(125.139.715)

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	125.139.715	278.224.621
Trích lập dự phòng bổ sung	881.954.855	125.139.715
Hoàn nhập dự phòng	(5.351.817)	(278.224.621)
Số cuối năm	<u>1.001.742.753</u>	<u>125.139.715</u>

10. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**10a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	11.861.565.645	22.421.901.182
Phí duy tu, sửa chữa	8.603.679.801	3.733.020.133
Chi phí dịch vụ	3.519.861.532	20.165.652.232
Phí tư vấn	4.007.333.334	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	10.814.493.193	12.736.440.895
Cộng	<u>38.806.933.505</u>	<u>59.057.014.442</u>

10b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	42.539.739.317	35.781.090.164
Chi phí sửa chữa	22.457.352.018	14.405.920.582
Tiền thuê đất	18.787.103.269	15.029.764.399
Chi phí vận hành Grand Square	15.774.929.263	-
Chi phí khảo sát	332.601.266	-
Chi phí thuê tài sản	-	4.060.837.777
Các chi phí trả trước dài hạn khác	22.989.236.274	18.445.011.324
Cộng	<u>122.880.961.407</u>	<u>87.722.624.246</u>

11. Tài sản cố định hữu hình

Thông tin về tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 154.565.000.000 VND và 63.082.000.000 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay lần lượt của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Mỹ Phước và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi nhánh Bến Cát.

12. Tài sản cố định vô hình

Thông tin về tăng, giảm tài sản cố định vô hình được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 7.465.333.303 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13. Bất động sản đầu tư**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	371.404.731.400	2.409.271.000	373.814.002.400
Mua trong năm	6.215.715.313	-	6.215.715.313
Kết chuyển từ hàng tồn kho	74.720.276.264	-	74.720.276.264
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.409.271.000)	(2.409.271.000)
Số cuối năm	452.340.722.977	-	452.340.722.977
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	5.391.805.689	1.034.751.015	6.426.556.704
Khấu hao trong năm	9.765.775.794	-	9.765.775.794
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.034.751.015)	(1.034.751.015)
Số cuối năm	15.157.581.483	-	15.157.581.483
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	366.012.925.711	1.374.519.985	367.387.445.696
Số cuối năm	437.183.141.494	-	437.183.141.494

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Tập đoàn hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

14. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chung cư IJC Aroma	103.484.249.166	103.484.249.166	101.964.616.042	101.964.616.042
Dự án Rosemary	93.859.078.500	93.859.078.500	93.859.078.500	93.859.078.500
Dự án chung cư Mỹ Phước 9T	-	-	399.999.999	399.999.999
Dự án Sunriver	45.527.273	45.527.273	45.527.273	45.527.273
Dự án phố Sông Cấm	400.722.930.392	400.722.930.392	310.798.337.294	310.798.337.294
Dự án Hiland Park – BB	87.320.622.774	87.320.622.774	87.320.622.774	87.320.622.774
Dự án TDC Plaza	582.617.257.952	582.617.257.952	477.195.160.762	477.195.160.762
Dự án Unitown – Giai đoạn 2	544.734.955.341	544.734.955.341	534.874.612.727	534.874.612.727
Cộng	1.812.784.621.398	1.812.784.621.398	1.606.457.955.371	1.606.457.955.371

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Tăng khác	Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	28.860.959.018	90.328.885.786	-	(17.883.828.704)	(10.266.034.136)	91.039.981.964
Mua quyền sử dụng đất	28.249.525.677	-	-	-	-	28.249.525.677
Xây dựng cơ bản dở dang	2.187.528.953.802	642.777.491.619	1.624.745.820	(732.546.385.447)	(671.615.274)	2.098.713.190.521
Trồng rừng cao su	1.093.576.695	760.079.494	-	-	-	1.853.656.189
Sửa chữa lớn tài sản cố định	375.470.647	1.040.000.344	-	(1.415.470.991)	-	-
Cộng	2.246.108.485.839	734.906.457.243	1.624.745.820	(751.845.685.142)	(10.937.649.410)	2.219.856.354.351

Tập đoàn đã thể chấp công trình xây dựng dở dang với giá trị theo sổ sách tại ngày kết thúc năm tài chính là 16.242.028.393 VND (số đầu năm là 214.063.866.210 VND) để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (xem thuyết minh số V.25).

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	269.229.862.110	191.415.968.237
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	76.691.066.545	77.813.893.873
Điều chỉnh theo kiểm toán nhà nước	(873.536.390)	-
Số cuối năm	345.047.392.265	269.229.862.110

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (năm trước thuế suất là 22%).

17. Lợi thế thương mại

Nguyên giá

Số đầu năm

Số cuối năm

Số đã phân bổ

Số đầu năm

Phân bổ trong năm

Số cuối năm

Giá trị còn lại

Số đầu năm

Số cuối năm

33.150.863.983

33.150.863.983

19.591.297.252

3.609.642.395

23.200.939.647

13.559.566.731

9.949.924.336

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn**18a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	192.695.299.337	75.889.438.788
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore	140.129.327.360	-
Công ty cổ phần công nghệ & truyền thông Việt Nam	52.507.064.073	73.923.403.453
Công ty cổ phần bảo hiểm Hùng Vương	49.324.704	1.965.099.235
Công ty liên doanh TNHH Sinviet	9.583.200	936.100
Phải trả các nhà cung cấp khác	1.173.890.639.443	2.639.307.666.631
Công ty TNHH thương mại xây dựng Nguyễn Hoàng	8.982.080.399	19.451.048.970
Công ty TNHH đầu tư xây dựng thương mại Minh Đức Trung	7.806.283.827	4.126.120.868
Công ty cổ phần khoáng sản và xây dựng Bình Dương	5.367.000.625	11.898.846.610
Công ty cổ phần xây dựng số 5	38.011.890.029	1.155.936.229
Tổng Công ty đầu tư nước và môi trường Việt Nam	14.955.910.711	39.932.044.301
Công ty TNHH VSIP Hải Phòng	24.145.443.560	24.145.443.560
DNTN Đại Thiên Phú	14.423.836.032	-
Công ty TNHH sản xuất thương mại và xây dựng Huỳnh Phúc	15.183.413.000	1.286.405.000
Công ty TNHH thương mại và sản xuất Thép Việt	12.903.905.355	13.802.065.195
Công ty TNHH Đại Phú Thịnh	15.664.879.692	38.423.154.156
Công ty TNHH cung ứng nhựa đường	10.689.164.200	15.267.498.800
Công ty TNHH nhựa đường Puma Energy Việt Nam	1.453.105.500	18.906.068.500
Công ty cổ phần thương mại và xuất nhập khẩu vật tư giao thông	10.585.791.700	3.690.492.300
Công ty TNHH nhựa đường Petrolimex – Chi nhánh Sài Gòn	10.242.006.500	4.491.764.200
Công ty TNHH MTV Văn Tiến Nghĩa	8.051.596.516	6.146.956.409
Công ty TNHH Kolon Engineering & Construction	72.924.473.273	4.213.623.034
Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương	-	1.766.502.482.217
Các nhà cung cấp khác	902.499.858.524	665.867.716.282
Cộng	1.366.585.938.780	2.715.197.105.419

18b. Phải trả người bán dài hạn

Phải trả cho Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH VSIP Hải Phòng	24.145.443.560	24.145.443.560
Công ty TNHH xây dựng thương mại Nguyễn Hoàng	5.121.348.125	17.884.519.347
Các nhà cung cấp khác	79.789.971.884	98.432.765.956
Cộng	109.056.763.569	140.462.728.863

19. Người mua trả tiền trước ngắn hạn/dài hạn**19a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	471.949.200
Công ty TNHH Becamex Tokyu	-	421.789.200
Công ty cổ phần bảo hiểm Hùng Vương	-	50.160.000
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	1.070.525.462.749	1.241.761.636.511
Ông Dương Hồng Tuấn (Dự án Lake view)	10.803.840.700	8.484.000.300
Ông Nguyễn Văn Việt – Bà Nguyễn Thị Tổ Oanh (Dự án Lake view)	3.948.235.200	3.948.235.200
Bà Đoàn Thị Giáp (Dự án Lake view)	7.638.912.800	5.462.842.400
Ông Huỳnh Trục Sơ (Dự án Green Pearl)	9.163.500.000	7.318.500.000
Các hộ khu dân cư Thới Hòa ứng trước tiền mua đất	89.381.739.999	129.996.279.999
Các khách hàng khác	949.589.234.050	1.086.551.778.612
Cộng	1.070.525.462.749	1.242.233.585.711

19b. Người mua trả tiền trước dài hạn

Khoản ứng trước của các khách hàng không phải bên liên quan mua hàng hóa bất động sản.

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 04 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất, xử lý nước thải, bán mũ cao su thô, khám chữa bệnh	Không chịu thuế
- Dịch vụ cung cấp nước sạch sinh hoạt, hoạt động bán thuốc	05%
- Các hoạt động khác	10%

Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013, thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với bán, cho thuê nhà ở xã hội là 5%. Ngoài ra, Tập đoàn còn được giảm 50% mức thuế suất thuế giá trị gia tăng từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 đối với bán, cho thuê nhà ở thương mại có diện tích sàn dưới 70 m² và có giá bán dưới 15 triệu VND/m².

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

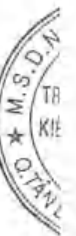
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Thu nhập từ bán, cho thuê nhà ở xã hội của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% cho thu nhập phát sinh từ ngày 01 tháng 7 năm 2013.
- Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động thu phí tuyến Quốc lộ 13 – tỉnh Bình Dương trong 04 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo theo hợp đồng B.O.T đã ký giữa Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương và Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp (nay là Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên) và Công văn số 8900/CT-KTr1 ngày 07 tháng 11 năm 2008 của Cục thuế tỉnh Bình Dương. Như vậy:
 - Đối với Dự án I từ Km1+248 đến Km28+178 dài 27,197 km từ gần cầu Vĩnh Bình huyện Thuận An đến Ngã ba Đài Hoa Sen - Khu công nghiệp Tân Định, Bến Cát: có thu nhập chịu thuế từ năm 2002 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là năm thứ 09 Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.
 - Đối với Dự án II từ Km28+000 đến Km65+355 dài 37,584 km từ Đài vệ tinh Tân Định, Bến Cát đến Cầu Tham Rót giáp ranh tỉnh Bình Phước: Công ty có thu nhập chịu thuế từ năm 2008 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là năm thứ 03 Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.
- Công ty cổ phần bê tông Becamex có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông trên thu nhập chịu thuế cho thời gian còn lại đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất bê tông nhựa nóng các loại; công bê tông cốt thép các loại; bê tông xi măng các loại; thi công, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật. Công ty cổ phần bê tông Becamex được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo. Năm 2008, là năm đầu tiên Công ty cổ phần bê tông Becamex hoạt động kinh doanh có lãi nhưng do thời gian hoạt động sản xuất, kinh doanh dưới 12 tháng nên Công ty cổ phần bê tông Becamex đăng ký với cơ quan thuế tính thời gian miễn, giảm thuế từ năm 2009.
- Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước được nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế đối với hoạt động khám chữa bệnh theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 5 năm tiếp theo.
- Công ty cổ phần dược Becamex được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo đối hoạt động sản xuất và kinh doanh dược phẩm và vật tư y tế. Năm tài chính 2008 là năm đầu tiên Công ty cổ phần dược Becamex hoạt động kinh doanh có lãi. Năm 2015 là năm cuối cùng Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Trường Đại học Quốc tế Miền Đông nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động giáo dục đào tạo với thuế suất thuế 10% trong 50 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46121000047 ngày 29 tháng 7 năm 2009 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp. Trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong 3 năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư.
- Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước môi trường Bình Dương nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% cho thu nhập từ hoạt động xã hội hóa.



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất ưu đãi là 15% trong 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và áp dụng thuế suất phổ thông cho các năm còn lại đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất. Ngoài ra, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.
- Thu nhập khác của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH Một thành viên, Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật, Công ty cổ phần bê tông Becamex, Công ty cổ phần phát triển đô thị, Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước, Công ty cổ phần dược Becamex, Trường Đại học Quốc tế Miền Đông, Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước môi trường Bình Dương, và thu nhập của các công ty khác trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm bao gồm:

Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật	25.721.765.732
Công ty cổ phần bê tông Becamex	6.561.259.796
Công ty cổ phần phát triển đô thị	3.389.485.836
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	40.047.821.449
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương	8.023.408.409
Công ty cổ phần dược Becamex	1.905.632.538
Công ty TNHH MTV cấp thoát nước môi trường Bình Dương	22.003.110.240
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	107.652.484.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận doanh thu trong năm	(494.486.318)
Điều chỉnh tăng theo biên bản thanh tra của cơ quan Thuế	322.198.996
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	107.480.196.678

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 1 năm 2016.

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Tập đoàn phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 1% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Tập đoàn sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Thuế tài nguyên**

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá, sỏi và đất. Thuế suất và đơn giá tính thuế tài nguyên như sau:

	Thuế suất	Đơn giá /m³
- Khai thác đá, sỏi	7%	110.000VND
- Khai thác đất	4%	20.000VND

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

21. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 và các khoản thưởng còn phải trả.

22. Chi phí phải trả ngắn hạn/dài hạn**22a. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	42.768.876.270	-
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore - Trích trước chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án IJC Vĩnh Tân	42.768.876.270	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	12.315.235.381.959	10.844.363.204.390
Chi phí lãi vay phải trả	283.061.435.962	403.887.326.611
Chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất	151.916.995.652	-
Chi phí hoa hồng, môi giới	859.999.999	4.244.750.849
Trích trước chi phí công trình	129.522.584.947	-
Chi phí quyền sử dụng đất phải trả	88.116.471.765	-
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn các dự án bất động sản đã bán	11.616.890.803.080	10.427.288.583.496
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	44.867.090.554	8.942.543.434
Cộng	12.358.004.258.229	10.844.363.204.390

22b. Chi phí phải trả dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	100.556.300.911	-
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore - Trích trước chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án IJC Vĩnh Tân	100.556.300.911	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	80.667.367.278	-
Chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất	80.667.367.278	-
Cộng	181.223.668.189	-

23. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/ dài hạn

Tiền thuê đất nhận trước tại các khu công nghiệp.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**24. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****24a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>5.489.152.500</i>	<i>256.900.000</i>
Công ty cổ phần dược phẩm Savi - Phải trả tiền mua cổ phiếu	5.489.152.500	-
Công ty cổ phần chứng khoán Đệ Nhất - Cổ tức phải trả	-	256.900.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>196.446.480.368</i>	<i>256.414.638.856</i>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	4.429.180.294	4.781.115.100
Cổ tức phải trả	4.075.481.757	1.413.409.500
Tiền thanh lý hợp đồng các dự án chưa chi cho khách hàng	19.738.876.276	27.124.671.144
Hoa hồng môi giới phải trả	202.812.412	148.867.703
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	39.372.596.973	29.982.852.339
Phải trả tiền mua cổ phần	9.105.447.834	-
Tạm thu thuế thu nhập cá nhân	831.824.833	1.174.765.191
Phí bảo trì, duy tu phải trả	8.884.667.520	8.158.071.946
Tiền bảo hành còn phải trả nhà cung cấp	4.594.844.560	1.940.659.072
Tiền bảo đảm hợp đồng của đội xe ben	-	11.897.218.224
Tài sản thừa chờ giải quyết, xử lý	34.831.805.235	34.854.203.628
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	70.378.942.674	134.938.805.009
Cộng	201.935.632.868	256.671.538.856

24b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phí bảo trì dự án TDC Plaza	5.745.343.034	5.664.431.391
Nguồn vốn nước ngoài tài trợ cho các BQL dự án	1.954.422.355.686	1.769.885.156.248
Vốn vay nước ngoài đã nhận tiền nhưng chưa có khế ước nợ (*)	341.516.233.328	228.038.180.910
Phải trả vốn đầu tư rừng của hộ nhận khoán	1.834.348.253	1.834.348.253
Phải trả tiền vay vốn không tính lãi	3.000.000.000	6.321.950.000
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp	1.974.521.103	1.248.497.712
Phải trả tiền nhận góp vốn kinh doanh	-	1.541.804.864
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	1.274.044.750	742.572.250
Tiền nhận vốn ủy thác đầu tư	-	84.000.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	6.607.314.626	8.827.228.698
Các khoản phải trả dài hạn khác	205.450.123.918	267.447.916.178
Cộng	2.521.824.284.698	2.375.552.086.504

(*) Khoản tiền được nhà tài trợ trực tiếp giải ngân cho nhà cung cấp. Tuy nhiên Ngân hàng Phát triển chưa thực hiện làm khế ước nợ đối với Tập đoàn.

24c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

25. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**25a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	4.576.622.266.136	4.433.172.682.081
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾	3.159.673.829.188	3.166.675.611.706
Vay Ngân hàng liên doanh VID Public – Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾	41.899.728.292	43.559.216.300
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱⁱ⁾	197.960.597.646	181.812.990.548
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam ^(iv)	340.033.586.783	395.451.223.098
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	-	200.000.000.000
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ^(v)	770.221.549.227	303.828.411.433
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á ^(iv)	66.832.975.000	141.845.228.996
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	215.000.000.000	309.591.808.591
Vay Quỹ đầu tư và phát triển Bình Dương ^(vi)	215.000.000.000	229.591.808.591
Vay Công ty cổ phần cấp nước Thủ Dầu Một	-	80.000.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	60.375.698.000	54.186.433.000
Vay ngắn hạn các cá nhân khác ^(viii)	60.375.698.000	54.186.433.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.25b)	785.764.592.613	427.418.158.812
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.25b)	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
Cộng	7.137.762.556.749	6.724.369.082.484

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn kinh doanh, bổ sung tài chính thiếu hụt tạm thời thanh toán hoàn vốn ngân sách hỗ trợ trong năm tài chính và thanh toán tiền hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình; Quyền kinh doanh và khai thác các dự án khu Công nghiệp; Quyền quản lý khai thác các hệ thống cấp nước sạch, các nhà máy sản xuất nước; Quyền sử dụng đất thuê dài hạn, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Nguồn thu tiền nước của Khu công nghiệp VSIP I, II và các khoản thu theo các dự án cấp nước trong các Khu công nghiệp; Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của các Công ty trong Tập đoàn.

(ii) Khoản vay Ngân hàng liên doanh VID Public – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng với lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại khu đô thị - Công nghiệp dịch vụ VSIP Hải Phòng.

(iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để bổ sung nguồn vốn kinh doanh và thanh toán tiền hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình; Quyền sử dụng đất; Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của các Công ty trong Tập đoàn.

(iv) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động và thanh toán tiền hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp: Quyền sử dụng đất Phú Chánh C, D; Quyền sử dụng 53.776,6 m² đất thuộc xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương) theo Hợp đồng thế chấp 11.07.05/HĐTC ngày 27 tháng 9 năm 2011.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (v) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động; thanh toán tiền hàng, chi phí đầu tư kinh doanh và các chi phí khác phù hợp với ngành nghề kinh doanh của bên vay được pháp luật cho phép, với lãi suất áp dụng cho từng lần giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp:
- Quyền sử dụng 80.404,2 m² đất số AN721596 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 07 tháng 7 năm 2009 thửa đất số 176, 283 (O3-3), tờ bản đồ số 7, 3 tại xã Định Hoà, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, giá trị định giá 582.930.000.000 VND;
 - Quyền sử dụng 26.021,2 m² đất số AN721513 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 07 tháng 7 năm 2009 thửa đất số 612, 578 (O2-9), tờ bản đồ số 20, 2 tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, xã Phú Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, giá trị định giá 188.653.700.000 VND;
 - Quyền sử dụng 27.292,3 m² đất số AN721599 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 07 tháng 7 năm 2009 thửa đất số 952, 590 (O3-6), tờ bản đồ số 1, 3 tại xã Phú Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, giá trị định giá 197.869.175.000 VND;
 - Quyền sử dụng 11.309,6 m² đất số AN721605 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 07 tháng 7 năm 2009 thửa đất số 591 (O3-7), tờ bản đồ số 3 tại xã Phú Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, giá trị định giá 81.994.600.000 VND.
- (vi) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á theo Hợp đồng tín dụng số 2054.14/HĐTD-HM ngày 10 tháng 11 năm 2014 với hạn mức tín dụng 200 tỷ VND, duy trì hạn mức tín dụng trong 12 tháng từ ngày 10 tháng 10 năm 2014. Mục đích vay để phát hành bảo lãnh và cho vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, với lãi suất áp dụng cho từng lần giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp:
- Quyền sử dụng đất số BI 645760 cấp ngày 28 tháng 3 năm 2012 với tổng diện tích 6,698.9 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
 - Quyền sử dụng đất số AN 721582 ngày 07 tháng 7 năm 2009 với tổng diện tích 53,895.1 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
 - Quyền sử dụng đất số BI 645779 ngày 28 tháng 3 năm 2012 với tổng diện tích 20,031.8 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- (vii) Khoản vay Quỹ đầu tư và phát triển Bình Dương để bổ sung nguồn vốn hoạt động phục vụ cho kế hoạch đầu tư năm 2015 (các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng), với lãi suất áp dụng cho từng lần giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng quyền thu cổ tức hàng năm của các Công ty trong Tập đoàn; nguồn thu từ hoạt động kinh doanh nước, rác và các khoản thu khác từ nguồn thu tiền sử dụng nước của khu công nghiệp Việt Nam – Singapore (VISIP) trong năm 2016.
- (viii) Các khoản huy động vốn của các cá nhân với lãi suất từ 0,75%/tháng đến 1%/tháng.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Giảm do hoán đổi trái phiếu	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	4.433.172.682.081	7.322.627.399.257	-	(7.179.177.815.202)	-	4.576.622.266.136
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân	363.778.241.591	467.269.900.500	-	(555.672.444.091)	-	275.375.698.000
Vay dài hạn đến hạn trả	427.418.158.812	-	805.914.920.737	(447.568.486.936)	-	785.764.592.613
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	1.500.000.000.000	-	1.500.000.000.000	(500.000.000.000)	(1.000.000.000.000)	1.500.000.000.000
Cộng	6.724.369.082.484	7.789.897.299.757	2.305.914.920.737	(8.682.418.746.229)	(1.000.000.000.000)	7.137.762.556.749

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

25b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	3.067.587.334.901	2.643.866.171.846
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam ⁽ⁱ⁾	758.860.622.721	477.359.421.987
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾	609.502.000.000	711.994.983.241
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam ⁽ⁱⁱⁱ⁾	517.810.000.000	252.200.000.000
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương	-	92.432.432.435
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt - Chi nhánh Bình Dương ^(iv)	90.000.000.000	120.000.000.000
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á - Chi nhánh Bình Dương ^(v)	203.750.000.000	-
Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam ^(vi)	809.186.956.180	685.994.378.183
Vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh Bến Cát ^(vii)	3.808.256.000	11.808.256.000
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á ^(viii)	74.500.000.000	291.750.000.000
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội - Chi nhánh Bình Dương ^(ix)	169.500.000	326.700.000
Vay dài hạn các tổ chức khác	90.986.426.432	104.915.954.432
Vay Quỹ đầu tư và phát triển Bình Dương ^(x)	87.000.000.000	99.368.000.000
Vay Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam ^(xi)	2.757.926.432	5.547.954.432
Vay Chương trình 327/CP	1.228.500.000	-
Trái phiếu thường dài hạn	10.530.985.345.970	8.595.995.151.514
Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương ^(xii)		
- Mệnh giá trái phiếu	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu (20.000.000.000)		-
Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương ^(xii)		
- Mệnh giá trái phiếu	1.000.000.000.000	-
- Chi phí phát hành trái phiếu (11.999.333.333)		-
Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng ^(xiii)		
- Mệnh giá trái phiếu	-	750.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	-	-
Công ty liên doanh quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank ^(xiv)		
- Mệnh giá trái phiếu	-	750.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	-	-
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai ^(xv)		
- Mệnh giá trái phiếu	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	-	-

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam</i> ^(xvi)		
- Mệnh giá trái phiếu	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	-	-
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Mê Kông</i> ^(xvi)		
- Mệnh giá trái phiếu	400.000.000.000	400.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	-	-
<i>Ngân hàng TNHH Indovina</i> ^(xvi)		
- Mệnh giá trái phiếu	100.000.000.000	100.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	-	-
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt</i> ^(xvii)		
- Mệnh giá trái phiếu	200.000.000.000	200.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	-	-
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương</i> ^(xviii)		
- Mệnh giá trái phiếu	1.080.000.000.000	-
- Chi phí phát hành trái phiếu	(12.959.280.000)	-
<i>Ngân hàng liên doanh Việt – Nga</i> ^(xviii)		
- Mệnh giá trái phiếu	400.000.000.000	-
- Chi phí phát hành trái phiếu	(4.799.733.333)	-
<i>Ngân hàng TNHH Indovina</i> ^(xviii)		
- Mệnh giá trái phiếu	500.000.000.000	-
- Chi phí phát hành trái phiếu	(5.999.666.667)	-
<i>Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Ngân Lược</i> ^(xviii)		
- Mệnh giá trái phiếu	20.000.000.000	-
- Chi phí phát hành trái phiếu	(239.986.667)	-
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong</i> ^(xix)		
- Mệnh giá trái phiếu	600.000.000.000	600.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	-	-
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam</i> ^(xx)		
- Mệnh giá trái phiếu	400.000.000.000	400.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	-	-
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á</i> ^(xxi)		
- Mệnh giá trái phiếu	400.000.000.000	400.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(7.016.654.030)	(4.004.848.486)
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i> ^(xxii)		
- Mệnh giá trái phiếu	500.000.000.000	-
- Chi phí phát hành trái phiếu	(6.000.000.000)	-
Cộng	13.689.559.107.303	11.344.777.277.792

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(i) Bao gồm các khoản vay:

- Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương trị giá 425.000.000.000 theo các hợp đồng tín dụng sau:
 - Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/83576/HĐDH ngày 29 tháng 11 năm 2013 với số tiền vay 500 tỷ VND, thời hạn 10 năm để thực hiện dự án đầu tư "Bệnh viện đa khoa quốc tế Miền Đông - Giai đoạn 1" bao gồm thanh toán tiền mua, nhập khẩu máy móc thiết bị y tế và chi phí xây dựng cơ bản, lãi suất vay áp dụng cơ chế lãi suất thả nổi và được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp: Giá trị quyền sử dụng đất ở chính khu đất đang xây dựng bệnh viện theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2013/HĐ ngày 20 tháng 11 năm 2013; Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay của dự án đầu tư bao gồm: công trình xây dựng bệnh viện, nhà văn phòng, cơ sở hạ tầng gắn liền với quyền sử dụng đất và máy móc trang thiết bị y tế thuộc dự án; Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ; Các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Tập đoàn và đối tác khác mà Tập đoàn là người thụ hưởng. Toàn bộ các khoản phải thu, nguyên vật liệu - hàng hóa tồn kho, chi phí sản xuất dở dang bảo đảm nợ vay cho ngân hàng.
 - Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/83576/HĐDH ngày 30 tháng 12 năm 2013 với hạn mức vay là 154.316 triệu VND, thời hạn vay là 36 tháng để "Xây dựng nhà ở an sinh xã hội Becamex – Khu 1 B Mỹ Phước 1", lãi suất vay áp dụng cơ chế lãi suất thả nổi và được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay này được đảm bảo bằng 76 Quyền sử dụng đất tại xã Lai Uyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, giá trị tài sản được định giá là 1.090.883 triệu VND.
 - Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02/83576/HĐDH ngày 30 tháng 12 năm 2013 với hạn mức vay là 269.293 triệu VND, thời hạn vay là 36 tháng để "Xây dựng nhà ở an sinh xã hội Becamex – Khu Hòa Lợi", lãi suất vay áp dụng cơ chế lãi suất thả nổi và được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay này được đảm bảo bằng 76 Quyền sử dụng đất tại xã Lai Uyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, giá trị tài sản được định giá là 1.090.883 triệu VND.
- Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương trị giá 105.000.000.000 để tài trợ lại một phần vốn đã đầu tư vào dự án IJC Aroma. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên với diện tích 40.947 m² theo hợp đồng thế chấp số 01/2015/1728454/HĐĐB ngày 05 tháng 6 năm 2015.
- Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương trị giá 221.212.173.208 để thanh toán các chi phí thực hiện dự án đầu tư mở rộng bệnh viện đa khoa Mỹ Phước với lãi suất 9%, thời hạn vay 12 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 22 tháng 8 năm 2014), thời gian ân hạn 2 năm. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 2 năm 2017. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, toàn bộ tài sản gắn liền với đất hình thành từ dự án trong tương lai và một số máy móc thiết bị y tế thuộc dự án.
- Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương trị giá 2.627.729.513 để đầu tư xây dựng dự án khu phố thương mại Uni-Town (giai đoạn 1) với lãi suất 9,5% năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản của Tập đoàn bao gồm 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương trị giá 556.668.000.000 VND.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Mỹ Phước để xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su và mua máy móc thiết bị với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay là 60 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ hàng tồn kho, tiền gửi ngân hàng của bên vay và toàn bộ tài sản được hình thành từ vốn vay.

(ii) Bao gồm các khoản vay;

- Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương trị giá 470.000.000.000 VND theo Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 040D13 ngày 27 tháng 9 năm 2013 với số tiền 600 tỷ VND, thời hạn 84 tháng để bù đắp phần chi phí đền bù giải tỏa Khu công nghiệp Bàu Bàng và thanh toán các chi phí đầu tư thi công cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bàu Bàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp: Quyền sử dụng đất tổng diện tích 1.529.292 m² tại Khu công nghiệp Bàu Bàng; Toàn bộ quyền kinh doanh và khai thác Khu công nghiệp Bàu Bàng.
- Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương trị giá 21.000.000.000 VND để thanh toán tiền cải tạo (rải nhựa, nâng cấp, sửa chữa,...) mua sắm các trang thiết bị, thanh toán chi phí bố trí lại trạm thu phí nút giao thông Phú Long, thị xã Thuận An và các chi phí khác trên tuyến Quốc lộ 13. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với diện tích 11.552 m² theo hợp đồng thế chấp số 155TT14 ngày 25 tháng 12 năm 2014.
- Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương trị giá 51.302.000.000 VND để mua Nhà máy sản xuất bê tông Sóng Thần 3 và Mỹ Phước 1 với lãi suất năm đầu tiên là 8,5%/năm, từ năm thứ 2 trở đi áp dụng lãi suất cho vay dài hạn VND cộng biên độ 3,3%. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 1 phần khoản tiền gửi có kỳ hạn và một số tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.1 và V.11).
- Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương trị giá 67.200.000.000 VND để đầu tư cổ phiếu của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cổ phiếu hình thành trong tương lai từ nguồn vốn vay.

(iii) Bao gồm các khoản vay:

- Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai trị giá 469.910.000.000 VND theo Hợp đồng tín dụng số 07/2010/HĐTD-DA (MP-TV) ngày 07 tháng 10 năm 2010 với số tiền 1.500 tỷ VND, thời hạn 120 tháng, lãi suất được xác định theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam ban hành cộng biên độ 3,5%/năm để thực hiện Dự án đường Mỹ Phước - Tân Vạn. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền tài sản Dự án xây dựng đường Mỹ Phước - Tân Vạn.
- Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương trị giá 47.900.000.000 VND để đầu tư cổ phiếu của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 14280122/HĐCC tại ngày 20/11/2014.

- (iv) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt – Chi nhánh Bình Dương để tài trợ lại một phần vốn đã đầu tư vào dự án Khu đô thị IJC. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với diện tích 23.995m² theo hợp đồng thế chấp số 0076/01414/01A.HĐTCQSDĐ ngày 04 tháng 9 năm 2014.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (v) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á – Chi nhánh Bình Dương để thực hiện dự án khu dân cư Hòa Lợi-IJC và bù đắp một phần vốn đã đầu tư vào dự án Khu đô thị IJC. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên với diện tích 28.221m² theo hợp đồng thế chấp số 210-60/15/VAB/HĐTCBLBDS ngày 01 tháng 6 năm 2015, diện tích 40.648 m² theo hợp đồng thế chấp số 210-131/15/VAB/HĐTCBLBDS ngày 24 tháng 11 năm 2015.
- (vi) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thực hiện các dự án: Đầu tư xây dựng nhà máy nước Tân Hiệp; Xây dựng Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương; Dự án cấp nước Khu đô thị và công nghiệp Mỹ Phước; Dự án cấp nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng công suất 45.000 m³/ngày đêm; Dự án nhà máy nước Dĩ An công suất 30.000 m³/ngày đêm; Dự án cấp nước và vệ sinh các thị xã, thị trấn lần 3. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai từ nguồn vốn vay.
- (vii) Khoản vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi nhánh Bến Cát để xây dựng nhà máy chế biến mù cưa su với lãi suất 15%/năm, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản gắn liền với đất.
- (viii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á – Chi nhánh Bình Dương để tài trợ lại một phần vốn đã đầu tư vào dự án Prince Town. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với diện tích 24.543 m² theo hợp đồng thế chấp số 1188.14/HĐTC ngày 08 tháng 9 năm 2014; và quyền sử dụng đất tại xã Thới Hòa, Bến Cát, tỉnh Bình Dương với diện tích 22.388,4 m² theo hợp đồng thế chấp số 1287.14/HĐTC ngày 31 tháng 12 năm 2014.
- (ix) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội – Chi nhánh Bình Dương để mua sắm tài sản cố định, thời hạn vay 48 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9).
- (x) Khoản vay Quỹ đầu tư và phát triển Bình Dương theo các hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng số 06/2007/HĐTD ngày 23 tháng 5 năm 2007 với lãi suất 0,3%/tháng, thời hạn 99 tháng kể từ ngày nhận khoản giải ngân đầu tiên (thời gian ân hạn 15 tháng) để đầu tư xây dựng các hạng mục của dự án "Đầu tư khu cư xá công nhân Mỹ Phước". Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là "Khu cư xá công nhân Mỹ Phước";
 - Hợp đồng số 12/2010/HĐTD ngày 14 tháng 12 năm 2010 với lãi suất 09%/năm, thời hạn 15 năm kể từ ngày nhận khoản giải ngân đầu tiên (thời gian ân hạn 04 năm) để đầu tư xây dựng các hạng mục của dự án "Đầu tư đường Mỹ Phước - Tân Vạn". Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là "Quyền quản lý & thu phí giao thông đường Mỹ Phước Tân Vạn".
- (xi) Khoản vay Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam để thực hiện dự án đầu tư xây dựng lò đốt rác công nghiệp công suất 4 tấn/giờ trong Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương và đầu tư xây dựng các hạng mục hỗ trợ nâng công suất nhà máy xử lý chất thải Nam Bình Dương. Khoản vay được đảm bảo bằng bảo lãnh của Ngân hàng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN781940 do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 27/05/2009 và tài sản hình thành sau đầu tư từ nguồn vốn vay.
- (xii) Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng thương mại cổ phần dầu khí Toàn Cầu nay chuyển cho Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam để huy động vốn trung dài hạn để thực hiện dự án "Khu đô thị mới thuộc Khu liên hợp công nghiệp – dịch vụ - đô thị Bình Dương".

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- **Đợt 1:** Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành 2.000 tỷ VND, trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi danh có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, thời hạn 05 năm kể từ ngày hoán đổi là ngày 31 tháng 12 năm 2014. Lãi suất 11,5%/năm cho kỳ đầu tiên, các kỳ tiếp theo lãi suất được tính bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau áp dụng đối với Đồng Việt Nam công bố tại sở giao dịch của bốn ngân hàng thương mại: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam cộng lãi biên 4%/năm.
 - **Tài sản đảm bảo:** Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN721568 với diện tích 183.089,1 m² tại xã Hòa Lợi, huyện Bến Cát, xã Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN721652 với diện tích 104.215 m² tại xã Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 927766 với diện tích 50.519 m² tại xã Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
 - **Đợt 2:** Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành 1.000 tỷ VND, trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi danh có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, thời hạn 05 năm kể từ ngày hoán đổi là ngày 17 tháng 11 năm 2015. Lãi suất 10,5%/năm cho kỳ đầu tiên, các kỳ tiếp theo lãi suất được tính bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau áp dụng đối với Đồng Việt Nam công bố tại sở giao dịch của bốn ngân hàng thương mại: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam cộng lãi biên 4%/năm.
 - **Tài sản đảm bảo:** Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN721591 với diện tích 111.104 m² tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, xã Phú Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN721595 với diện tích 69.189,2 m² ở xã Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- (xiii) Trái phiếu phát hành cho Công ty cổ phần chứng khoán FPT nay chuyển cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng:
- Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành 750 tỷ VND, trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi danh có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hành là ngày 07 tháng 12 năm 2011. Lãi suất 17,5%/năm cho kỳ đầu tiên, các kỳ tiếp theo lãi suất được tính bằng lãi suất tham chiếu là lãi suất bình quân của lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả sau áp dụng đối với Đồng Việt Nam công bố tại sở giao dịch của bốn ngân hàng thương mại: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng lãi biên 4%/năm.
 - **Tài sản đảm bảo:** Quyền sử dụng 41.681,6 m² đất ở nông thôn tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên và xã Phú Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 51.751,3 m² đất ở nông thôn tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 105.240 m² đất ở nông thôn tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 28.664,4 m² đất ở nông thôn tại Phường Hòa Phú, TP.TDM, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 1.677,6 m² đất ở nông thôn tại Phường Hòa Phú TP.TDM; tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 9.057 m² đất ở nông thôn tại xã Phú Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 100.858,7 m² đất ở nông thôn tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 44.651,3 m² đất ở nông thôn tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 40.556 m² đất ở nông thôn tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 23.141 m² đất ở nông thôn tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương thuộc sở hữu của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(xiv) Trái phiếu phát hành cho Công ty liên doanh quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank:

- Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành 750 tỷ VND, trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi danh có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hành là ngày 19 tháng 10 năm 2011. Lãi suất 17,5%/năm cho kỳ đầu tiên, các kỳ tiếp theo lãi suất được tính bằng lãi suất tham chiếu là lãi suất bình quân của lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả sau áp dụng đối với Đồng Việt Nam công bố tại sở giao dịch của bốn ngân hàng thương mại: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng lãi biên 4%/năm.
- Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng 41.681,6 m² đất ở nông thôn tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên và xã Phú Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 51.751,3 m² đất ở nông thôn tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 105.240 m² đất ở nông thôn tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 28.664,4 m² đất ở nông thôn tại Phường Hòa Phú, TP.TDM, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 1.677,6 m² đất ở nông thôn tại Phường Hòa Phú TP.TDM; tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 9.057 m² đất ở nông thôn tại xã Phú Mỹ, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 100.858,7 m² đất ở nông thôn tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 44.651,3 m² đất ở nông thôn tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 40.556 m² đất ở nông thôn tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 23.141 m² đất ở nông thôn tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương thuộc sở hữu của Tổng Công ty.

(xv) Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai:

- Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành 2.000 tỷ VND, trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi danh có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hành là ngày 30 tháng 12 năm 2013. Lãi suất 13,5%/năm cho năm đầu tiên, các năm sau lãi suất được tính bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả sau của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai cộng biên độ 4%/năm.
- Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản hình thành trên đất của Tổng Công ty trên diện tích 265.437 m² đất ở và 264.022 m² đất Trường Đại học - Khu đô thị mới thuộc Khu liên hợp công nghiệp – dịch vụ - đô thị Bình Dương.

(xvi) Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam sau đó chuyển cho Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Mê Kông với số tiền 400 tỷ VND và Ngân hàng TNHH Indovina với số tiền 100 tỷ VND:

- Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành 1.500 tỷ VND để đầu tư cho khu liên hiệp như: nhà khách thuộc Khu hành chính tập trung, nhà công vụ tỉnh Bình Dương; 03 tuyến đường đầu nối từ khu liên hiệp qua huyện Tân Uyên; khu nhà ở xã hội Hòa Lợi; khu nhà phố liền kề C2-C4; Cơ cấu nguồn vốn ngắn hạn sang vốn dài hạn đã đầu tư vào các dự án khu liên hiệp như Trường Đại học Quốc tế Miền Đông, nhà ở xã hội Hòa Lợi; 6 tuyến đường tạo lực (từ 2-7); 3 tuyến đường đầu nối từ khu liên hiệp qua huyện Tân Uyên. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi danh có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng mệnh giá, thời hạn 5 năm kể từ ngày phát hành là ngày 04 tháng 3 năm 2014. Trái phiếu có lãi suất cố định kỳ tính lãi đầu tiên, kỳ thứ hai là 14%/năm và bằng tổng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 4%/năm từ kỳ tính lãi thứ ba.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng 13.511 m² đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 1.817,7 m² đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (Khu đô thị mới); Quyền sử dụng 13.161,3 m² đất tại xã Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 76.953,3 m² đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 109.570,6 m² đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (Khu đô thị mới); Quyền sử dụng 65.230,7 m² đất tại xã Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 34.219,2 m² đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 39.740,5 m² đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

(xvii) Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt:

- Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành 200 tỷ VND để cơ cấu, tái cấu trúc tài chính của doanh nghiệp. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi danh có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, thời hạn 5 năm kể từ ngày phát hành là ngày 28 tháng 02 năm 2014. Trái phiếu có lãi suất cố định kỳ tính lãi đầu tiên là 14%/năm và bằng tổng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 4%/năm từ kỳ tính lãi thứ hai.
- Tài sản đảm bảo: Giá trị quyền sử dụng 40.667 m² đất tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

(xviii) Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng liên doanh Việt – Nga, Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Ngân Lược, Ngân hàng TNHH Indovina:

- Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành 2.000 tỷ VND để cơ cấu, tái cấu trúc tài chính của doanh nghiệp. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi danh có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, thời hạn 5 năm kể từ ngày phát hành là ngày 17 tháng 11 năm 2015. Trái phiếu có lãi suất cố định kỳ tính lãi đầu tiên là 10,5%/năm và bằng tổng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 4%/năm từ kỳ tính lãi thứ hai.
- Tài sản đảm bảo: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN721609, AN721594, AN721597 với tổng diện tích 115.367,6 m² tại xã Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI645797, BO594541, BO594540, BO594537, BO594545, BO594543, AN721572, AN721574, BI645752, BI645785 với tổng diện tích 220.573,7 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN721586 với diện tích 14.577 m² tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI645785

(xix) Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong để huy động vốn triển khai dự án đầu tư Sunflower mở rộng và tăng quy mô vốn kinh doanh:

- Ngày phát hành : ngày 25 tháng 9 năm 2014.
- Ngày đáo hạn : ngày 25 tháng 9 năm 2019.
- Kỳ thanh toán lãi : 6 tháng/lần.
- Lãi suất : kỳ tính lãi đầu tiên và kỳ thứ hai: 12,2%/năm; các kỳ tiếp theo: lãi suất bình quân của lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của 4 ngân hàng sau: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, Ngân hàng hương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam cộng lãi biên 4%/năm.
- Hình thức đảm bảo : khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền quản lý và thu phí giao thông Dự án đầu tư BOT: “Nâng cấp và mở rộng QL13-tỉnh Bình Dương-từ Km1+248 đến Km 28+178-dài 27,297 Km”; quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 45.182 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (xx) Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam để huy động vốn triển khai dự án đầu tư Prince Town mở rộng.
- Ngày phát hành: ngày 31 tháng 10 năm 2014.
 - Ngày đáo hạn: ngày 31 tháng 10 năm 2019.
 - Kỳ thanh toán lãi: 6 tháng/lần.
 - Lãi suất: kỳ tính lãi đầu tiên và kỳ thứ hai: 12,2%/năm; các kỳ tiếp theo: lãi suất bình quân của lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của 4 ngân hàng sau: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, Ngân hàng hương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam cộng lãi biên 4%/năm.
 - Hình thức đảm bảo: khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền quản lý và thu phí giao thông Dự án đầu tư BOT: “Nâng cấp và mở rộng QL13-tỉnh Bình Dương-từ Km28+000 đến Km 65+355 dài 37.584 m”; quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 9.714 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên.
- (xxi) Trái phiếu thường và có đảm bảo kỳ hạn 5 năm, được phát hành cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á để thanh toán tiền mua đất khu Phú Chánh C, D cho Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên.
- Ngày phát hành: 27/12/2014
 - Ngày đáo hạn: 27/12/2019
 - Kỳ trả lãi: 6 tháng/lần.
 - Lãi suất: Năm đầu tiên: 12%/năm. Từ kỳ thứ ba trở đi lãi suất trái phiếu được xác định theo nguyên tắc bằng tổng của lãi suất tham chiếu được xác định bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng của 04 ngân hàng gồm Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tại ngày xác định lãi suất cộng biên độ 4,0%.
 - Tài sản Bảo đảm: 16 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tổng diện tích 119.296,1 m² quy hoạch xây dựng khu nhà liên kế, nhà phố thuộc dự án Khu dân cư Hòa Lợi nằm trong Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thuộc sở hữu của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên (Becamex IDC).
- (xxi) Trái phiếu thường và có đảm bảo kỳ hạn 5 năm được phát hành cho Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thanh toán tiền đầu tư dự án Dragon Hill cho Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương.
- Ngày phát hành: 30/09/2015
 - Ngày đáo hạn: 30/09/2020
 - Số lượng trái phiếu phát hành: 500 trái phiếu
 - Giá mua trái phiếu: 1.000.000.000 VND/trái phiếu.
 - Kỳ trả lãi: 6 tháng/lần.
 - Lãi suất: Năm đầu tiên: 11,5%/năm. Từ kỳ thứ ba trở đi lãi suất trái phiếu được điều chỉnh theo kỳ điều chỉnh lãi suất 6 tháng/lần và xác định theo nguyên tắc bằng tổng của lãi suất tham chiếu được xác định bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng của 04 ngân hàng gồm Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch, Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Sở giao dịch tại ngày xác định lãi suất cộng biên độ 3,5%/năm.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Tài sản Bảo đảm : 13 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên (Becamex IDC).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	3.838.193.899.514	770.606.564.613	3.067.587.334.901	-
Vay dài hạn các tổ chức khác	106.144.454.432	15.158.028.000	90.986.426.432	-
Trái phiếu thường	12.030.985.345.970	1.500.000.000.000	10.530.985.345.970	-
Cộng	15.975.323.699.916	2.285.764.592.613	13.689.559.107.303	-
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	3.979.863.658.123	935.997.486.277	2.391.095.826.919	652.770.344.927
Vay dài hạn các tổ chức khác	139.605.982.432	34.690.028.000	104.915.954.432	-
Trái phiếu thường	9.700.000.000.000	1.500.000.000.000	8.200.000.000.000	-
Cộng	13.819.469.640.555	2.470.687.514.277	10.696.011.781.351	652.770.344.927

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm được trình bày ở Phụ lục 05 đính kèm.

25c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

26. Dự phòng phải trả ngắn hạn/dài hạn

26a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến công trình xây dựng và chi phí xử lý nước thải. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	26.620.518.770
Tăng do trích lập	19.648.104.479
Số sử dụng	(20.754.543)
Số hoàn nhập	(4.876.544.216)
Số cuối năm	41.371.324.490

26b. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	2.512.544.185
Tăng do trích lập	1.557.485.969
Tăng do phân loại lại	1.445.702.633
Số hoàn nhập	(93.682.785)
Số cuối năm	5.422.050.002

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết số phát sinh về quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm được trình bày ở Phụ lục 06 đính kèm.

28. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ
Số đầu năm	17.290.525.239
Chi nghiên cứu, phát triển khoa học và công nghệ	(630.145.850)
Số cuối năm	16.660.379.389

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập theo Quyết định số 85/2011/QĐ-TC ngày 01 tháng 3 năm 2011 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2011/TT-BTC ngày 09 tháng 2 năm 2011 của Bộ Tài chính.

29. Vốn chủ sở hữu

29a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 07 đính kèm.

29b. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Tổng Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2015 theo quy định của Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp như sau:

	VND
• Nộp lợi nhuận Ngân sách Nhà nước	: 463.162.048.847
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 206.974.721.327
• Trích quỹ khen thưởng	: 19.344.717.582
• Trích quỹ thưởng Ban điều hành	: 434.250.000
Cộng	689.915.737.756

30. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.465.206.146.005	1.520.907.213.502
Tăng do đầu tư	32.500.000.000	-
Lợi nhuận trong năm	98.371.577.731	94.803.608.863
Cổ tức đã trả	(115.003.949.400)	(133.830.699.520)
Tăng/(giảm) vốn của NCI do thay đổi tỉ lệ sở hữu.	(28.395.336.680)	-
Tăng/(giảm) khác	(22.780.925.502)	(16.673.976.840)
Số cuối năm	1.429.897.512.154	1.465.206.146.005

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**31. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****31a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	31.939.675.342	3.533.640.000
Trên 1 năm đến 5 năm	105.523.723.721	11.250.000.000
Trên 5 năm	185.969.787.572	-
Cộng	323.433.186.635	14.783.640.000

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Tổng số tiền thuê 12.200 m² đất tại xã Cây Trường và xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương với giá thuê là 5.743 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 49 năm tính từ ngày 14 tháng 10 năm 2008, giá thuê đất sẽ thay đổi theo chu kỳ 5 năm.
- Tổng số tiền thuê 11.706.133,40 m² đất tại xã Cây Trường và xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương với giá thuê là 413 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 49 năm tính từ ngày 14 tháng 10 năm 2008, giá thuê đất sẽ thay đổi theo chu kỳ 5 năm.
- Tổng số tiền thuê mặt bằng kinh doanh dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ 02 đến 06 năm và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng thêm theo mức giá thuê trên thị trường.

31b. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	12.235.677,46	1.427.011,35
Euro (EUR)	10.390,54	10.380,02

31c. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Chi nhánh Công ty TNHH Phương Trinh Bình Dương	100.800.000	-	Khách hàng không có khả năng thanh toán
Công ty TNHH một thành viên xây dựng Trần Hòa Phát	4.117.350	4.117.350	Khách hàng đã giải thể
Doanh nghiệp tư nhân Hiệp Thành	10.106.927	10.106.927	Khách hàng đã giải thể
Công ty TNHH dược phẩm Hưng Phúc	355.819.281	355.819.281	Không thu được tiền bán hàng do hàng không đạt chất lượng
Các đối tượng khác	821.122.869	703.021.165	Khách hàng không có khả năng thanh toán
Cộng	1.291.966.427	1.073.064.723	

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT -**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán vé cầu đường	212.877.998.658	202.749.375.601
Doanh thu xây dựng	472.232.009.505	269.335.298.077
Doanh thu kinh doanh bất động sản, bất động sản đầu tư	3.575.479.389.180	3.991.009.040.236
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	2.400.777.344.556	1.237.796.277.790
Doanh thu bán thành phẩm	630.087.022.060	354.086.817.311
Doanh thu môi giới bất động sản	1.952.791.301	-
Doanh thu hoạt động khác	139.990.515.603	36.198.244.505
Cộng	7.433.397.070.863	6.091.175.053.520

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh, liên kết.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	217.139.826	231.379.612
Hàng bán bị trả lại	94.931.880.823	258.154.937.197
Giảm giá hàng bán	704.284.976	439.659.112
Cộng	95.853.305.625	258.825.975.921

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn vé cầu đường	42.959.218.560	42.576.026.142
Giá vốn thi công, xây dựng công trình	352.840.728.653	175.730.213.683
Giá vốn kinh doanh bất động sản, bất động sản đầu tư	3.529.463.201.445	3.299.223.897.077
Giá vốn cung cấp dịch vụ, hàng hóa	1.061.084.166.700	751.216.179.329
Giá vốn của thành phẩm	602.709.204.719	332.373.369.795
Giá vốn môi giới bất động sản	929.207.273	-
Giá vốn hoạt động khác	87.335.156.255	33.345.351.383
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	876.603.038	-
Chi phí vượt định mức	2.102.301.542	-
Thuế GTGT không được khấu trừ	768.684.835	-
Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán khác (hàng bán bị trả lại)	(8.883.617.878)	-
Cộng	5.672.184.855.142	4.634.465.037.409

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	89.908.098.388	127.693.620.969
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	4.062.999.892	7.466.366.022
Lãi tiền cho vay, lãi trả chậm	3.882.137.632	8.492.700.111
Cổ tức, lợi nhuận được chia	30.725.306.860	52.149.694.048
Lãi bán hàng trả chậm	688.418.405	991.514.009
Lãi chậm trả cổ tức	19.906.337.690	-
Lãi chuyển nhượng cổ phiếu và thoái vốn	-	5.033.142.259
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	18.519.291.210	-
Lãi thanh lý công ty liên kết	-	73.288.282.739
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.564.694.442	985.721.294
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	14.690.847.631	23.965.799.667
Các khoản doanh thu tài chính khác	728.537.872	70.725.952.299
Cộng	184.676.670.022	370.792.793.417

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	632.721.785.567	358.034.666.369
Lãi mua hàng trả chậm	13.067.031.885	-
Chiết khấu thanh toán cho người mua	2.536.110.000	-
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	258.236.656	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.429.273.986	4.091.743.914
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	53.620.441
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	3.642.502.397	(3.403.440.267)
Các khoản chi phí tài chính khác	2.326.911.311	2.513.809.570
Cộng	657.981.851.802	361.290.400.027

6. Phần lãi lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore	431.164.034.000	403.169.528.930
Công ty cổ phần Setia – Becamex	(11.572.501.635)	(22.192.202.841)
Công ty cổ phần chứng khoán Đệ Nhất	509.628.048	9.278.225.745
Công ty cổ phần bảo hiểm Hùng Vương	(87.917.697)	2.762.386.676
Công ty cổ phần dược phẩm Savi	10.221.971.032	10.040.221.330
Công ty cổ phần công nghệ & truyền thông Việt Nam	(1.241.772.736)	6.756.469.589
Công ty TNHH Becamex Tokyu	(35.117.752.686)	(21.942.936.545)
Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông	2.355.506.445	2.846.239.036
Công ty liên doanh TNHH Sinviet	580.435.853	409.664.622
Công ty đầu tư xây dựng Chánh Phú Hòa	22.698.622.863	-
Công ty cổ phần nước Thủ Dầu Một	(471.932.349)	-
Công ty cổ phần tái chế vật liệu Xanh	(1.140.457.116)	-
Cộng	417.897.864.024	391.127.596.542

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	188.120.065.794	189.417.566.987
Chi phí vật liệu, bao bì	12.735.551.256	10.887.336.336
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	4.271.466.323	5.680.282.075
Chi phí khấu hao tài sản cố định	110.428.883.725	76.234.993.228
Chi phí hoa hồng môi giới	9.454.773.866	4.338.715.029
Chi phí quảng cáo, quảng bá đầu tư	85.155.989.307	-
Các chi phí khác	235.611.556.074	323.555.244.272
Cộng	645.778.286.345	610.114.137.927

8. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	146.565.595.046	105.396.024.371
Chi phí vật liệu quản lý	13.429.313.083	14.136.638.725
Chi phí đồ dùng văn phòng	14.080.294.094	24.231.712.116
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.135.911.003	44.438.089.253
Thuế, phí và lệ phí	15.148.950.505	13.771.316.237
Chi phí dự phòng	6.371.548.339	5.293.729.072
Các chi phí khác	165.460.124.028	122.338.756.452
Cộng	379.191.736.098	329.606.266.226

9. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.384.874.519	34.710.732.526
Thù lao hội đồng quản trị từ công ty con, công ty liên kết	2.245.164.939	-
Thu nhập từ thanh lý vật tư, công cụ dụng cụ	-	1.330.282.356
Thu nhập từ cho thuê, chuyển nhượng nhà đất, vườn cao su	3.487.180.097	-
Thu nhập từ bán điện, mù cao su	7.099.454.745	4.575.830.027
Tiền phạt, bồi thường, khuyến mãi, chiết khấu	1.695.823.272	13.570.052.404
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	20.369.223.383	-
Xuất bán tài sản cho Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	-	20.053.429.071
Xử lý tài sản thừa	103.274.604	-
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	4.467.483.227	8.750.989.362
Hoàn nhập dự phòng phải trả	1.115.411.168	-
Thu tài trợ	6.827.525.206	-
Thu nhập khác	8.664.848.684	49.747.488.582
Cộng	58.460.263.844	132.738.804.328

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Khấu hao tài sản cố định không sử dụng	-	1.809.005.609
Chi thù lao người đại diện công ty con, công ty liên kết	1.940.609.939	-
Chi phí hoa hồng thanh lý	-	4.124.476.106
Chi phí thanh lý công cụ dụng cụ, tài sản cố định	-	2.791.669.540
Giá trị chi phí đầu tư xây dựng cơ bản thanh lý	-	6.365.947.000
Chi phí vật tư sửa chữa	41.282.615	-
Chi phí nộp phạt do vi phạm hợp đồng	3.556.393.501	726.942.568
Chi phí sân vận động Bình Dương	-	14.218.884.000
Giá vốn tài sản bán cho Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	-	20.053.429.071
Các chi phí khác	23.608.867.809	43.913.249.695
Cộng	29.147.153.864	94.003.603.589

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.759.582.910.361	1.886.924.268.895
Chi phí nhân công	825.266.757.845	834.726.714.417
Chi phí khấu hao tài sản cố định	419.259.395.371	453.511.176.122
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.329.556.508.549	4.273.029.579.448
Chi phí khác	876.480.787.754	321.315.484.917
Cộng	10.210.146.359.880	7.769.507.223.800

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	53.749.844.739	27.807.825.738
Trên 1 năm đến 5 năm	179.078.255.323	108.346.742.953
Trên 5 năm	1.197.716.916.818	886.007.779.445
Cộng	1.430.545.016.880	1.022.162.348.136

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng thành viên và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	3.474.000.000	1.600.000.000
Tiền thưởng	434.250.000	200.000.000
Cộng	3.908.250.000	1.800.000.000

2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Công ty liên kết Singapore	
Công ty cổ phần Setia – Becamex	Công ty liên kết
Công ty cổ phần chứng khoán Đệ Nhất	Công ty liên kết
Công ty cổ phần bảo hiểm Hùng Vương	Công ty liên kết
Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Công ty liên kết
Công ty cổ phần công nghệ & truyền thông Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng tổng hợp Bình Dương	Công ty liên kết
Công ty TNHH Becamex Tokyu	Công ty liên kết
Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông	Công ty liên doanh
Công ty liên doanh TNHH Sinviet	Công ty liên doanh
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Chánh Phú Hòa	Công ty liên kết
Công ty cổ phần cấp nước Thủ Dầu Một	Công ty liên kết
Công ty cổ phần tái chế vật liệu Xanh	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3a, V.4, V.5, V.6a, V.18a, V.19a, V.22 và V.24a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Số liệu so sánh

3a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán hợp nhất					
Chứng khoán kinh doanh	121	-	4.893.028.550	4.893.028.550	(i)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	412.088.738.272	(60.933.028.550)	351.155.709.722	(i)
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	56.040.000.000	56.040.000.000	(i)
Phải thu ngắn hạn khác	136	802.624.397.159	(376.466.146.553)	426.158.250.606	(i)-(iii)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	1.108.190.462	1.108.190.462	(i)
Hàng tồn kho	141	22.813.551.387.148	(1.608.391.989.384)	21.205.159.397.764	(i)
Tài sản ngắn hạn khác	155	71.448.766.589	(71.448.766.589)	-	(i)
Phải thu dài hạn khác	216	5.326.105.250	4.007.797.707	9.333.902.957	(i)
Bất động sản đầu tư	230	365.453.411.683	1.934.034.013	367.387.445.696	(ii)
Nguyên giá	231	371.879.968.387	1.934.034.013	373.814.002.400	(ii) TỶ
Giá trị hao mòn lũy kế	232	(6.426.556.704)	-	(6.426.556.704)	(ii) HỒN
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	1.606.457.955.371	1.606.457.955.371	(i) C
Chi phí trả trước dài hạn	261	91.727.472.732	(4.004.848.486)	87.722.624.246	(i) 5C
Tài sản dài hạn khác	268	4.007.797.707	(4.007.797.707)	-	(i)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	1.334.706.170.322	(92.472.584.611)	1.242.233.585.711	(i)
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	10.862.413.442.273	(18.050.237.983)	10.844.363.204.390	(i)
Khoản phải trả ngắn hạn khác	319	189.971.854.509	66.699.684.347	256.671.538.856	(iii)
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	8.570.280.787	18.050.237.983	26.620.518.770	(i)
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	-	92.472.584.611	92.472.584.611	(i)
Vay và nợ thuê tài	338	11.348.782.126.278	(4.004.848.486)	11.344.777.277.792	(i)

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
chính dài hạn					
Vốn góp của chủ sở hữu	411	7.752.803.839.929	276.920.118.604	8.029.723.958.533	(ii)
Vốn khác của chủ sở hữu	414	371.832.467.403	(276.920.118.604)	94.912.348.799	(ii)
Quỹ đầu tư phát triển	418	129.354.531.935	68.888.504.674	198.243.036.610	(i)
Quỹ dự phòng tài chính		68.888.504.674	(68.888.504.674)	-	(i)
Lợi nhuận chưa phân phối	421	403.275.092.477	(513.506.407.027)	(110.231.314.550)	(iii)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất					
Thu nhập khác	31	183.785.001.467	(51.046.197.139)	132.738.804.328	(i)
Chi phí khác	32	145.049.800.728	(51.046.197.139)	94.003.603.589	(i)

- (i) Phân loại theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- (ii) Bút toán điều chỉnh của kiểm toán nhà nước
- (iii) Các bút toán điều chỉnh hồi tố sai sót năm trước.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Bình Dương, ngày 10 tháng 4 năm 2016

Phan Thị Mỹ Kim
Người lập biểu

Nguyễn Văn Dành
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 01: Bảng thuyết minh giá trị sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên doanh, liên kết

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Góp vốn trong năm	Phản lãi hoặc lỗ trong năm	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	Giá trị phần chuyển nhượng	Các khoản khác	Giá trị phần sở hữu cuối năm	Đơn vị tính: VND
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam - Singapore	3.183.108.279.660	-	431.164.034.000	-	(2.455.632.670)	-	3.611.816.680.990	
Công ty cổ phần Setia - Becamex	190.978.892.544	-	(11.572.501.635)	-	-	-	179.406.390.909	
Công ty cổ phần chứng khoán Dệt Nhất	132.170.047.882	-	6.082.128.048	(5.572.500.000)	-	(304.106.403)	132.375.569.527	
Công ty cổ phần bảo hiểm Hùng Vương	63.546.553.727	-	2.927.173.789	(3.015.091.486)	-	531.144.393	63.989.780.423	
Công ty cổ phần dược phẩm Savi	39.765.202.900	-	15.288.881.032	(5.066.910.000)	-	297.439.670	50.284.613.602	
Công ty cổ phần công nghệ & truyền thông Việt Nam	81.648.682.761	-	(1.241.772.736)	-	-	147.066.636	80.553.976.661	
Công ty TNHH Becamex Tokyu	2.967.137.790.523	-	(35.117.752.686)	-	-	-	2.932.020.037.837	
Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông	100.485.322.058	-	11.594.713.466	(9.239.207.021)	-	-	102.840.828.503	
Công ty liên doanh TNHH Sinviet	3.592.161.517	-	-	-	-	(3.592.161.517)	-	
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Chánh Phú Hòa	93.959.409.787	-	22.698.622.863	-	-	(1.649.789.383)	115.008.243.267	
Công ty cổ phần nước Thủ Dầu Một	62.400.000.000	15.600.000.000	9.200.067.651	(9.672.000.000)	-	1.688.706.431	79.216.774.082	
Công ty cổ phần tái chế vật liệu Xanh	750.000.000	3.000.000.000	(1.140.457.116)	-	-	(200.362.211)	2.409.180.673	
Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai	235.500.000.000	-	-	-	(235.500.000.000)	-	-	
Cộng	7.155.042.343.359	18.600.000.000	449.883.136.676	(32.565.708.507)	(237.955.632.670)	(3.082.062.384)	7.349.922.076.474	

Bình Dương, ngày 10 tháng 4 năm 2016



Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Dành
Kế toán trưởng

Phan Thị Mỹ Kim
Người lập biểu

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 02: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá						
Số đầu năm	2.576.063.352.146	714.626.290.243	2.706.196.761.701	78.923.358.840	512.684.127.029	6.588.493.889.959
Mua trong năm	6.426.513.432	39.471.511.420	22.561.706.133	8.796.384.920	713.754.672	77.969.870.577
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	321.898.785.608	150.930.650.090	260.694.629.215	568.236.000	17.703.384.229	751.795.685.142
Tăng do đánh giá lại giá trị DN	3.443.391.364	4.476.000	348.642.900	22.084.000	68.334.277.359	72.152.871.623
Tăng khác	56.339.411	-	-	-	-	56.339.411
Thanh lý, nhượng bán	-	(643.765.934)	(5.915.641.696)	(717.251.486)	(497.981.402)	(7.774.640.518)
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	(11.813.105)	(43.115.620)	-	(230.270.338)	-	(285.199.063)
Tài sản nhận từ nhà nước	-	-	-	-	48.459.879.275	48.459.879.275
Giảm do quyết toán lại với Kiểm toán Nhà nước	(15.606.802.284)	-	(5.389.034.000)	-	(2.131.569.667)	(23.127.405.951)
Chuyển sang TSCĐ vô hình	-	-	-	(150.000.000)	-	(150.000.000)
Số cuối năm	2.892.269.766.572	904.346.046.199	2.978.497.064.253	87.212.541.936	645.265.871.495	7.507.591.290.455
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	15.888.052.278	69.203.323.646	156.382.936.529	36.393.528.332	12.460.048.175	290.327.888.960
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	759.523.688.231	374.702.638.378	857.884.882.286	55.907.802.610	74.304.663.085	2.122.323.674.590
Khấu hao trong năm	116.637.157.988	100.409.953.771	163.816.949.186	6.410.684.136	11.205.724.396	398.480.469.477
Khấu hao vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	895.184.520	-	332.329.236	-	397.232.064	1.624.745.820
Khấu hao vào nguồn phúc lợi	31.373.100	-	-	-	-	31.373.100
Khấu hao vào nguồn kinh phí hình thành tài sản cố định	-	48.900.000	179.278.426	55.143.020	-	283.321.446
Tăng do đánh giá lại giá trị DN	-	808.323.514	-	-	40.552.627.680	41.360.951.194
Thanh lý, nhượng bán	-	(514.588.361)	(4.389.140.136)	(667.909.886)	(497.981.402)	(6.069.619.785)
Giảm do đánh giá lại giá trị DN	(10.516.194)	-	(100.946.889)	(150.311.999)	(136.091.377)	(397.866.459)
Giảm do quyết toán lại với Kiểm toán Nhà nước	(3.620.533.909)	-	(2.137.214.592)	-	(951.798.119)	(6.709.546.620)
Giảm khác	(11.813.105)	(358.040.619)	(31.296.508)	(230.270.338)	-	(631.420.570)
Chuyển sang TSCĐ vô hình	-	-	-	(2.500.000)	-	(2.500.000)
Số cuối năm	873.444.540.631	475.097.186.683	1.015.554.841.009	61.322.637.543	124.874.376.327	2.550.293.582.193

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 02: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Giá trị còn lại	1.816.539.663.915	339.923.651.865	1.848.311.879.415	23.015.556.230	438.379.463.944	4.466.170.215.369
Số đầu năm	2.018.825.225.941	429.248.859.516	1.962.942.223.244	25.889.904.393	520.391.495.168	4.957.297.708.262

Đơn vị tính: VND

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Phan Thị Mỹ Kim

Phan Thị Mỹ Kim
Người lập biểu

Nguyễn Văn Hùng

Nguyễn Văn Hùng
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 03: Bảng tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VNĐ							
	Quyền sử dụng đất	Chi phí khảo sát, thiết kế, thẩm dò trừ lượng đá	Tiêu chuẩn kỹ thuật công	Phần mềm máy vi tính	Vườn cây cao su	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	157.104.218.499	3.234.681.901	542.840.908	19.532.671.693		6.952.361.440	187.366.774.441
Mua trong năm	-	-	9.090.909	777.500.000	-	1.459.886.155	2.246.477.064
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	50.000.000	-	-	-	50.000.000
Chuyển từ TSCĐ hữu hình	-	-	-	150.000.000	-	-	150.000.000
Tăng do quyết toán lại với Kiểm toán Nhà nước	6.251.206.372	-	-	-	-	-	6.251.206.372
Tăng do xác định lại giá trị khi cổ phần hóa	-	-	-	-	28.981.304.296	-	28.981.304.296
Số cuối năm	163.355.424.871	3.234.681.901	601.931.817	20.460.171.693	28.981.304.296	8.412.247.595	225.045.762.173
Trong đó:							
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	2.822.181.901	174.659.090	11.037.274.265	-	415.364.130	14.449.479.386
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn							
Số đầu năm	5.450.711.989	2.842.806.901	376.755.220	14.374.572.780		1.680.271.118	24.725.118.008
Khấu hao trong năm	3.036.012.555	41.250.000	82.823.231	1.838.178.288	-	2.424.631.432	7.422.895.506
Chuyển từ TSCĐ hữu hình	-	-	-	2.500.000	-	-	2.500.000
Tăng do quyết toán lại với Kiểm toán Nhà nước	-	-	-	153.333.333	-	14.129.865	167.463.198
Số cuối năm	8.486.724.544	2.884.056.901	459.578.451	16.368.584.401	-	4.119.032.415	32.317.976.712

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 03: Bảng tăng, giảm tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND							
Giá trị còn lại Số đầu năm Số cuối năm	Quyền sử dụng đất	Chi phí khảo sát, thiết kế, thăm dò trữ lượng đá	Tiêu chuẩn kỹ thuật công	Phần mềm máy vi tính	Vườn cây cao su	Tài sản cố định khác	Cộng
	151.653.506.510	391.875.000	166.085.688	5.158.098.913	-	5.272.090.322	162.641.656.433
	154.868.700.327	350.625.000	142.353.366	4.091.587.292	28.981.304.296	4.293.215.180	192.727.785.461

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-

(Signature)

Phan Thị Mỹ Kim
Người lập biểu

Nguyễn Văn Dành
Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 10 tháng 4 năm 2016

Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 04: Bảng tăng, giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

	Số đầu năm		Điều chỉnh do quyết toán lại với Kiểm toán Nhà Nước		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	166.314.929.929	50.440.291	1.497.474.071	-	471.746.186.114	(593.585.548.338)	46.023.014.265	92.285.576
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-	715.218.790	(715.218.790)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	75.839.618.018	49.220.271.662	-	(4.820.197.611)	107.480.196.678	(176.710.279.610)	61.506.670.212	99.297.209.173
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp	-	-	-	-	-	-	-	-
cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	285.348.140	868.332.896	-	(3.152.793.002)	5.006.664.873	(751.439.506)	519.447.609	-
Thuế thu nhập cá nhân	4.437.651.675	1.033.418.618	179.858.212	-	33.447.496.888	(30.121.772.275)	7.255.729.489	345.913.607
Thuế tài nguyên	432.055.637	4.885.536.571	-	28.228.840	6.451.325.019	(4.075.808.696)	683.879.900	2.790.073.351
Thuế nhà đất, Tiền thuế đất	-	10.072.479.214	-	-	24.453.694.726	(16.941.227.138)	480.400	2.560.492.026
Thuế môn bài	-	-	-	-	214.000.000	(214.000.000)	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	9.545.193.692	-	-	-	(150.828.838)	(3.940.740.216)	5.453.624.638	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	9.023.746.764	177.406.809.418	3.485.755.083	10.890.639.448	486.362.994.600	(28.642.046.614)	281.933.000.967	-
Cộng	265.878.543.855	243.537.288.670	5.163.087.366	2.945.877.675	1.135.726.948.850	(855.698.081.183)	403.375.847.480	105.085.973.733

Bình Dương, ngày 10 tháng 4 năm 2016



Nguyễn Văn Hùng
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 05: Bảng chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Tăng do hoán đổi trái phiếu	Chi phí phát hành trái phiếu phát sinh trong năm	Giảm do đánh giá lại CL.TG cuối năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	2.642.637.671.846	1.338.964.925.374	-	-	(13.299.070.187)	(109.959.299.295)	(790.756.892.837)	-	3.067.587.334.901
Vay dài hạn các tổ chức khác	106.144.454.432	-	-	-	-	-	(15.158.028.000)	-	90.986.426.432
Trái phiếu thường dài hạn	8.595.995.151.514	2.500.000.000.000	1.000.000.000.000	(72.750.000.000)	-	-	(1.500.000.000.000)	7.740.194.456	10.530.985.345.970
Mệnh giá trái phiếu	8.600.000.000.000	2.500.000.000.000	1.000.000.000.000	-	-	-	(1.500.000.000.000)	-	10.600.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(4.004.848.486)	-	-	(72.750.000.000)	-	-	-	7.740.194.456	(69.014.654.030)
Cộng	11.344.777.277.792	3.838.964.925.374	1.000.000.000.000	(72.750.000.000)	(13.299.070.187)	(109.959.299.295)	(2.305.914.920.837)	7.740.194.456	13.689.559.107.303

Đơn vị tính: VND

Bình Dương, ngày 10 tháng 4 năm 2016



(Signature)

Nguyễn Văn Dành
Kế toán trưởng

(Signature)

Phan Thị Mỹ Kim
Người lập biểu

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 06: Bảng chi tiết tình hình tăng, giảm quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng do quyết toán lại với Kiểm toán Nhà Nước	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Giảm do phân loại lại	Chuyển quỹ lương	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	141.253.850.286	77.243.938.069	7.809.534.166	6.482.515.809	(73.149.196.473)	(121.653.867)	(27.698.456.661)	131.820.531.329
Quỹ phúc lợi	4.702.148.747	925.719.732	200.000.000	56.207.281	(72.512.009.429)	-	(18.031.903.578)	(84.659.837.247)
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	916.079.979	1.962.053.810	1.601.107.500	46.007.445	(1.192.277.989)	-	-	3.332.970.745
Cộng	146.872.079.012	80.131.711.611	9.610.641.666	6.584.730.535	(146.853.483.891)	(121.653.867)	(45.730.360.239)	50.493.664.827

Đơn vị tính: VND

Bình Dương, ngày 10 tháng 4 năm 2016

(Signature)

Phan Thị Mỹ Kim
Người lập biểu

Nguyễn Văn Danh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Địa chỉ: Số 230 đường Lê Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phụ lục 07: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ và sắp xếp Doanh nghiệp	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	6.133.086.227.707	13.067.408.560	13.436.150.914	(99.960.000)	6.985.609.970	1.515.646.235.824	-	555.537.264.926	509.254.579.714	1.520.907.213.502	10.267.820.731.117
Ghi nhận bổ sung vốn đầu tư tại Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước - mỗi trường Bình Dương	277.468.689.080	-	(277.468.689.080)	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	551.653.343.763	-	94.803.608.863	646.456.952.626
Ngân sách Nhà nước cấp bổ sung	733.379.157.940	-	-	-	-	(118.030.814)	-	-	-	-	733.379.157.940
Chi quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(118.030.814)
Góp vốn bằng quyền sử dụng đất	2.769.458.592	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.769.458.592
Lợi nhuận nộp ngân sách	-	-	-	-	-	-	-	(350.921.217.584)	-	-	(350.921.217.584)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(273.144.648.055)	-	-	(273.144.648.055)
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	1.380.990.598.552	-	548.570.476	-	-	54.464.098.460	-	-	-	-	(1.381.539.169.028)
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	150.928.473.319	-	-	-	-	-	104.114.432.584	-	104.114.432.584
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản ngân sách cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương	(497.970.173.338)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(497.970.173.338)
Có tức đã chi trả cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng/(giảm) khác	-	(198.000.000)	207.467.843.170	99.960.000	(1.089.265.178)	9.789.902.167	-	(79.849.650.572)	553.113.326.168	(133.830.699.520)	(133.830.699.520)
Điều chỉnh giảm cổ tức phải thu VSIP từ năm 2012	-	-	-	-	-	-	-	(513.506.407.027)	-	(16.673.976.840)	672.660.138.915
Số dư cuối năm trước	8.029.723.958.533	12.869.408.560	94.912.348.799	-	5.896.344.792	198.243.036.609	-	(110.231.314.550)	1.166.482.338.466	1.465.206.146.005	10.863.102.267.215
Số dư đầu năm nay	8.029.723.958.533	12.869.408.560	94.912.348.799	-	5.896.344.792	198.243.036.609	-	(110.231.314.550)	1.166.482.338.466	1.465.206.146.005	10.863.102.267.215
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	484.961.684.691	-	98.371.577.731	583.333.262.422
Tăng vốn do cổ phần hóa Công ty cổ phần cao su Bình Dương	47.775.628.631	-	-	-	-	-	4.951.812.052	-	-	32.500.000.000	85.227.440.683
Chi quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Góp vốn bằng quyền sử dụng đất	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận nộp ngân sách	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	206.974.721.327	-	-	-	-	267.260.361.097	-	(463.162.048.847)	-	-	(463.162.048.847)
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản ngân sách cấp	-	-	-	-	-	(206.974.721.327)	-	(347.612.796.427)	-	-	(80.352.435.330)
Tăng cổ phiếu quỹ trong năm	-	-	138.106.424.148	-	-	-	-	-	-	-	138.106.424.148
Giảm trừ lợi nhuận của cty liên kết tính theo phương pháp vốn chủ	-	-	-	-	-	-	-	(8.846.878.697)	-	-	(8.846.878.697)
Có tức đã chi trả cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn của NCI do thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng/(giảm) khác	-	-	(70.540.771.745)	-	(5.896.344.792)	4.252.719.915	-	-	153.891.530.769	(115.003.949.400)	(115.003.949.400)
Số dư cuối năm nay	8.284.474.308.491	12.869.408.560	162.478.001.202	-	-	262.781.396.294	4.951.812.052	(345.556.916.691)	1.320.373.869.235	1.429.897.512.154	11.112.269.391.298

Nguyễn Văn Hùng
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP
THỦ DẦU MỘT
BẮC KINH
BÌNH DƯƠNG ngày 10 tháng 12 năm 2016
TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Dành
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phan Thị Mỹ Kim
NGƯỜI LẬP BIỂU

T.N.H.H